

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Annual Report

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



www.shbs.com.vn

SHBS

Giá trị tích lũy niềm tin

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY	3
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG	4
SẢN PHẨM - DỊCH VỤ SHBS CUNG CẤP	4
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2015	11
TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015	17
ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2016	17
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015	20
CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015	20
GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	21
HOẠT ĐỘNG CỦA SHBS	23
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NÓI CHUNG	24
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	26
HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	38
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015	39
KIỂM SOÁT NỘI BỘ	47

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Thương hiệu SHBS (Công ty cổ phần Chứng khoán SHB) chính thức ra mắt thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 12/9/2012, là thành quả từ việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) nhận sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank). Với tư cách là một Công ty con, SHBS được thừa hưởng những sức mạnh về thương hiệu, tiềm lực tài chính và hệ thống mạng lưới từ Ngân hàng mẹ SHB. Sau khi tái ổn định cơ cấu nhân sự và định hướng hoạt động của bộ máy, SHBS đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển thêm những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu giao dịch và tư vấn của nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("Công ty") với tên tiếng Anh là SHB Securities Joint Stock Company được thành lập và hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Ngày 26/12/2013, SHBS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK, theo đây trụ sở chính của SHBS được chuyển từ **số 2C, Vạn Phúc – Kim Mã, quận Ba Đình về Tòa nhà Artexport, số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.**

Theo Quyết định số 713/QĐ-UBCK ngày 22/09/2014 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sửa đổi Quyết định thành lập Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 147/QĐ-UBCK ngày 18/02/2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán SHB thay đổi địa chỉ chi nhánh như sau:

Địa chỉ chi nhánh: Tầng 5 Cao ốc văn phòng HMTTC, số 138 – 142, Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Minh – chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 043. 7262222 Fax: 043.7262305

Website: www.shbs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 5 Cao ốc văn phòng HMTTC, số 138 – 142, Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.6252 3333 Fax: 08. 3824 7766

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK, vốn điều lệ của Công ty vào đầu ngày 1 tháng 9 năm 2011 là 150.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG**Tầm nhìn**

SHBS hướng tới vị trí là Định chế tài chính số một trong lựa chọn của khách hàng và đối tác trên thị trường Việt Nam và khu vực. Bằng sự thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, SHBS sẽ mang lại lợi ích tốt nhất cho Cổ đông, cộng sự, đối tác và cộng đồng.

Sứ mệnh

Đưa SHBS trở thành khoản đầu tư hiệu quả của cổ đông; môi trường làm việc mong ước của đội ngũ nhân viên và trên hết là sự lựa chọn số một của khách hàng và đối tác.

Giá trị cốt lõi

SHBS xây dựng Giá trị cốt lõi cho mình dựa trên sức mạnh tổng thể từ chất lượng con người, công nghệ hiện đại, sản phẩm dịch vụ ưu việt, tiềm lực tài chính mạnh và mạng lưới quan hệ sâu rộng. Đó cũng là nền tảng giúp SHBS thực hiện sứ mệnh của mình và đạt được những mục tiêu chiến lược có tầm vóc trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Triết lý kinh doanh

SHBS luôn tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, gìn giữ mối quan hệ khăng khít với khách hàng, đối tác bằng uy tín của chính mình, dùng năng lực và tâm huyết để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của Quý Khách hàng.

SẢN PHẨM - DỊCH VỤ SHBS CUNG CẤP**❖ Dịch vụ chứng khoán**

- Mở tài khoản giao dịch
- Dịch vụ Môi giới chứng khoán
- Dịch vụ Lưu ký chứng khoán
- Dịch vụ Quản lý tài khoản
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính (thu xếp vốn)
- Dịch vụ hỗ trợ thông tin

11/2015 - 11/2015

- Dịch vụ Quản lý cổ đông
- Dịch vụ IPO

❖ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

- Dịch vụ Thị trường vốn
- Dịch vụ Thị trường nợ
- Mua bán, tái cấu trúc Doanh nghiệp
- Dịch vụ Tư vấn khác

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

SHBS cung cấp dịch vụ Môi giới chứng khoán niêm yết, Môi giới chứng khoán chưa niêm yết (OTC), Môi giới trái phiếu và Thực hiện các giao dịch thỏa thuận. Đến với SHBS, khách hàng hoàn toàn hài lòng:

- Mở Tài khoản dễ dàng tại điểm sàn giao dịch hoặc qua Internet tại website www.shbs.com.vn;
- Thủ tục giao dịch đơn giản, nhanh chóng và thuận tiện;
- Nhận lệnh trực tiếp từ khách hàng tại sàn giao dịch ở Hà Nội và Hồ Chí Minh;
- Nhận lệnh qua hệ thống điện thoại ghi âm cisco, qua Internet tại bất kỳ thời điểm nào và ở bất cứ nơi đâu;
- Thông báo kết quả khớp lệnh qua SMS;
- Ứng trước tiền bán chứng khoán ngay khi khớp lệnh;
- Chuyển tiền trực tuyến, kiểm tra số dư và quản lý danh mục đầu tư nhanh chóng thông qua hệ thống SHBS Online;
- Đăng ký quyền mua chứng khoán qua điện thoại;
- Được tư vấn miễn phí trực tiếp hoặc thông qua hệ thống điện thoại, email, website của Công ty về việc đầu tư chứng khoán và các quy định đầu tư trên TTCK;
- Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo và đầu tư chiến lược giúp khách hàng nắm bắt thêm thông tin và có định hướng đúng đắn trong đầu tư trên TTCK;
- Mức phí cạnh tranh khi sử dụng dịch vụ môi giới của SHBS.

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

- Thủ tục đơn giản, thuận tiện;
- Tránh rủi ro cho khách hàng khi tự lưu giữ chứng khoán, tránh sự giả mạo, mất mát, hư hỏng trong bảo quản sổ/giấy chứng nhận sở hữu cổ phần;
- Các giao dịch chứng khoán được thực hiện nhanh gọn, bảo mật và chính xác;
- Được thông báo và hạch toán đầy đủ đối với các quyền lợi liên quan đến chứng khoán;

- Thực hiện các hình thức chuyển khoản chứng khoán: lô lẻ, cho, biếu, tặng, thừa kế...;
- Thực hiện quyền: Quyền tham dự Đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Quyền nhận cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng; Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm;

QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

SHBS tham gia tư vấn, quản lý danh mục thuộc tài khoản của Quý khách hàng nhằm mục đích tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn vào những cơ hội đầu tư hấp dẫn, sinh lợi cao và giảm thiểu rủi ro.

Với việc ủy thác cho SHBS quản lý tài khoản của mình, Quý khách hàng sẽ:

- Được cung cấp các thông tin tin cậy nhất về cơ hội đầu tư và kết quả hoạt động đầu tư;
- Được hưởng kết quả đầu tư theo hình thức ủy thác mà Quý khách hàng lựa chọn;
- Được SHBS đại diện để bảo vệ quyền lợi trong các dự án hoặc công ty cổ phần mà Quý khách hàng góp vốn đầu tư;
- Hoạt động đầu tư của Quý khách hàng được đảm bảo bí mật;
- Thủ tục tham gia đầu tư đơn giản, thuận lợi với mức phí ủy thác hợp lý nhất.

DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Với tiềm lực tài chính vững mạnh và sự hỗ trợ tích cực từ phía ngân hàng mẹ SHB, SHBS mang tới cho khách hàng các dịch vụ hỗ trợ tài chính (thu xếp vốn) một cách linh hoạt và đa dạng, bao gồm :

- Ứng trước tiền bán chứng khoán;
- Cầm cố chứng khoán niêm yết;
- Các hỗ trợ tài chính ngắn hạn khác;

Lợi ích của khách hàng

- Được hỗ trợ tài chính tức thời, tạo khả năng quay vòng vốn nhanh, hỗ trợ Quý khách hàng nắm bắt kịp cơ hội đầu tư;
- Đáp ứng nhu cầu trong việc luân chuyển vốn đã đầu tư vào cổ phiếu;
- Hỗ trợ Quý khách hàng tối ưu hóa dòng vốn đối với các khoản đầu tư dài hạn;
- Hưởng lãi suất hợp lý và phương thức thanh toán linh hoạt.

DỊCH VỤ HỖ TRỢ THÔNG TIN

Với những chuyên gia phân tích dày dặn kinh nghiệm, am hiểu thị trường, SHBS cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thông tin sau:

- Tư vấn qua điện thoại;

- Báo cáo phân tích thị trường, ngành, cổ phiếu và các báo cáo phân tích nhận định thị trường hàng ngày;
- Dịch vụ truy vấn SMS-Link qua đầu số 6158;
- Hội thảo/Toạ đàm.

QUẢN LÝ CỔ ĐÔNG

Với mục tiêu trở thành cầu nối tin cậy giữa tổ chức phát hành và các cổ đông cùng với kinh nghiệm và quy trình nghiệp vụ rõ ràng, minh bạch, hệ thống phần mềm quản lý chuyên biệt, tiện ích, SHBS đã và đang cung cấp dịch vụ Quản lý sổ cổ đông đạt chất lượng cao tới rất nhiều các doanh nghiệp lớn và nhỏ chưa niềm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trên cơ sở được sự ủy quyền của tổ chức phát hành, SHBS sẽ tiến hành quản lý cổ đông với nội dung chính bao gồm:

- Hoạt động họp đại hội đồng cổ đông, trả cổ tức, chuyển nhượng cổ phần và phát hành thêm cổ phần;
- Quản lý danh sách cổ đông;
- Xác nhận quá trình chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông;
- Thông tin các quyền tới cổ đông: chi trả cổ tức, mua cổ phiếu phát hành thêm, họp đại hội đồng cổ đông, gửi phiếu xin ý kiến.

Quản lý cổ đông trực tuyến

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB đã cho ra đời dịch vụ Quản lý cổ đông trực tuyến với hệ thống phần mềm hiện đại và ưu việt vào loại bậc nhất trên thị trường. Dịch vụ quản lý cổ đông trực tuyến của SHBS sẽ cung cấp cho các doanh nghiệp và các cổ đông của doanh nghiệp một công cụ quản lý an toàn và hiệu quả nhất.

DỊCH VỤ IPO

Với lợi thế là một Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam với tiềm lực tài chính vững vàng từ Ngân hàng mẹ SHB, từ lâu CTCP Chứng khoán SHB rất uy tín và thành công với vai trò làm Đại lý đấu giá, tổ chức phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng trên thị trường tài chính Việt Nam.

Dịch vụ mà SHBS cung cấp bao gồm:

- Đại lý đấu giá chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng IPO;
- Dịch vụ tư vấn đấu giá cổ phần;
- Dịch vụ hỗ trợ đăng ký danh sách đấu giá;
- Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN****Tư vấn phát hành cổ phiếu**

Để đáp ứng nhu cầu tăng vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của khách hàng một cách nhanh chóng và quy chuẩn, SHBS sẵn sàng tư vấn phát hành cổ phiếu cho doanh nghiệp.

1. Tư vấn chuẩn hóa điều kiện phát hành;
2. Xây dựng lộ trình phát hành;
3. Tư vấn thủ tục pháp lý và Xây dựng hồ sơ phát hành;
4. Xin cấp phép từ các cơ quan chức năng;
5. Hỗ trợ tiếp cận nhà đầu tư tiềm năng;
6. Thực hiện phát hành và tư vấn các vấn đề liên quan sau phát hành.

Tư vấn niêm yết cổ phiếu

Niem yết cổ phiếu, giao dịch tập trung trên các sàn giao dịch là bước đi tất yếu trong quá trình phát triển của Doanh nghiệp, đòi hỏi phải có một quá trình thực hiện quy chuẩn và phù hợp. Dịch vụ tư vấn niêm yết của SHBS sẽ đi cùng Doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình niêm yết và hậu niêm yết bao gồm các hoạt động cụ thể:

1. Chuẩn hóa các điều kiện niêm yết;
2. Xác định giá niêm yết;
3. Xây dựng hồ sơ niêm yết; Hồ sơ đăng ký chứng khoán
4. Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cho cơ quan có thẩm quyền;
5. Nộp hồ sơ Đăng ký chứng khoán và mở tài khoản cho cổ đông;
6. Tư vấn sau niêm yết (Công bố thông tin, chào sàn, truyền thông, ...).

Tư vấn cổ phần hóa Doanh nghiệp

Với sự am hiểu và kinh nghiệm của đội ngũ nhân sự trong lĩnh vực cổ phần hóa, với khả năng nhận diện và xử lý thông minh những vấn đề về tài chính Doanh nghiệp, SHBS bằng khả năng của mình sẽ nỗ lực tối ưu hóa lợi ích cho Doanh Nghiệp trong quá trình thực hiện cổ phần hóa.

1. Tư vấn xây dựng lộ trình cổ phần hóa;
2. Xác định giá trị doanh nghiệp;
3. Xây dựng phương án cổ phần hóa;
4. Tư vấn đấu giá cổ phần ra công chúng;
5. Tư vấn tổ chức ĐHCĐ lần đầu;
6. Tư vấn sau cổ phần hóa (tái cấu trúc bộ máy tổ chức, tài chính,...)

Đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng - Đấu giá cổ phần

Hệ thống công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đấu giá cổ phần Doanh nghiệp là những ưu thế để SHBS có thể tự tin cung cấp tới khách hàng dịch vụ tư vấn đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, đấu giá cổ phần và các quyền đi kèm cổ phần khác.

1. Tư vấn phương án đấu giá;
2. Xác định giá khởi điểm đấu giá;
3. Xây dựng hồ sơ đấu giá;
4. Tư vấn tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng;
5. Tổ chức bán đấu giá và công bố kết quả đấu giá theo quy định.
6. Tư vấn tuân thủ quy định pháp luật về Công bố thông tin và các vấn đề pháp lý khác;

DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ

Tư vấn phát hành trái phiếu

Được sự hỗ trợ về mọi mặt của Ngân hàng mẹ - SHB, cùng mối quan hệ mật thiết với các định chế tài chính, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, SHBS có nhiều lợi thế đối với dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu, giúp doanh nghiệp huy động vốn hiệu quả với chi phí vốn hợp lý.

1. Chuẩn hóa điều kiện phát hành;
2. Xây dựng phương án phát hành trái phiếu;
3. Tư vấn thủ tục pháp lý và Xây dựng hồ sơ phát hành;
4. Khảo sát, thăm dò, quảng bá và giới thiệu Nhà đầu tư tiềm năng;
5. Tổ chức phân phối trái phiếu phát hành;
6. Các dịch vụ hỗ trợ sau phát hành (Đại lý đăng ký lưu ký, đại lý thanh toán...).

Tư vấn niêm yết trái phiếu

Niem yết trái phiếu doanh nghiệp để tiến hành giao dịch công khai hiện nay chưa được các Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm. Tuy nhiên, việc niêm yết trái phiếu Doanh nghiệp tạo cơ hội cho Doanh nghiệp được biết đến nhiều hơn, tính thanh khoản của trái phiếu cao hơn, nhờ đó Doanh nghiệp huy động vốn dễ dàng hơn. SHBS hiện đang cung cấp gói dịch vụ tư vấn niêm yết trái phiếu doanh nghiệp trên sàn giao dịch Chứng khoán nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

1. Tư vấn chuẩn hóa điều kiện niêm yết trái phiếu;
2. Xây dựng hồ sơ niêm yết trái phiếu;
3. Tư vấn thủ tục pháp lý niêm yết;
4. Nộp hồ sơ niêm yết trái phiếu cho cơ quan chức năng;
5. Tư vấn công bố thông tin và truyền thông niêm yết;
6. Tư vấn các nội dung sau niêm yết...

DỊCH VỤ MUA BÁN, TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ nhân sự có trình độ và dày dặn kinh nghiệm, SHBS tự tin cung cấp tới khách hàng những giải pháp tối ưu trong lĩnh vực mua bán, sáp nhập và tái cấu trúc doanh nghiệp.

Tư vấn mua bán - sáp nhập Doanh nghiệp

Với kinh nghiệm, sự năng động và mạng lưới các khách hàng rộng khắp trên thị trường, cùng mối quan hệ mật thiết với nhiều định chế tài chính, quỹ đầu tư và các cơ quan chức năng, SHBS có thể giúp kết nối các nhà đầu tư trong và ngoài nước và hoàn thiện việc mua bán và sáp nhập một cách nhanh chóng hiệu quả.

1. Xác định mục tiêu chiến lược mua bán, sáp nhập;
2. Phân tích, đánh giá, giới thiệu các cơ hội đầu tư;
3. Tư vấn xác định giá mua bán;
4. Tư vấn thủ tục pháp lý mua bán, sáp nhập doanh nghiệp;
5. Tổ chức đàm phán, hỗ trợ các bên thương thảo hợp đồng;
6. Tư vấn tái cấu trúc sau khi thực hiện mua bán- sáp nhập.

Tư vấn tái cấu trúc tài chính Doanh nghiệp

Với đội ngũ nhân sự tư vấn SHBS nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kiểm toán, định giá sẽ giúp doanh nghiệp đạt được cơ cấu vốn tối ưu, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và

năng lực tài chính cho doanh nghiệp.

1. Phân tích và đánh giá hiện trạng tài chính của doanh nghiệp;
2. Xây dựng và đề xuất các phương án tái cấu trúc tài chính phù hợp với doanh nghiệp;
3. Thiết lập các giải pháp tối ưu để tái cấu trúc tình hình tài chính doanh nghiệp;
4. Triển khai các biện pháp để tái cấu trúc tình hình tài chính;
5. Đánh giá quá trình tái cấu trúc và phương án chỉnh sửa, bổ sung kế hoạch tái cấu trúc tài chính.

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Tư vấn quan hệ Nhà đầu tư

Dịch vụ tư vấn quan hệ Nhà đầu tư của SHBS trực tiếp kết nối nhà đầu tư với Doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư nhìn nhận đúng đắn, xác thực về Doanh nghiệp, tạo cơ sở vững vàng để Nhà đầu tư gắn bó với doanh nghiệp chặt chẽ hơn. Dịch vụ tư vấn quan hệ Nhà đầu tư của SHBS được hỗ trợ bởi những chuyên gia PR - Marketing nhiều kinh nghiệm, mang đến cho khách hàng dịch vụ tối ưu nhất.

1. Tư vấn quan hệ cổ đông;
2. Tư vấn truyền thông báo chí;
3. Tư vấn quan hệ các cơ quan chức năng.

Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Với đội ngũ tư vấn năng động, am hiểu pháp luật và giàu kinh nghiệm, cùng những chuyên gia trong lĩnh vực PR, truyền thông, tổ chức sự kiện, SHBS sẵn sàng giúp Doanh nghiệp tổ chức ĐHĐCĐ một cách chuyên nghiệp, đúng với trình tự, thủ tục theo luật định, đạt được mục đích của người triệu tập họp, đồng thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.

1. Chuẩn bị điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ;
2. Xây dựng hồ sơ văn kiện ĐHĐCĐ;
3. Tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ;
4. Tư vấn công bố thông tin ĐHĐCĐ.

Tư vấn khác

Ngoài các sản phẩm tư vấn chủ đạo, SHBS còn cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính doanh nghiệp khác: Tư vấn đăng ký Công ty đại chúng; Tư vấn đăng ký giao dịch Upcom; tư vấn đăng ký lưu ký, Tư vấn đăng ký thành lập công ty, chi nhánh,...

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2015****1. Tình hình kinh tế thế giới năm 2015**

Năm 2015, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều rủi ro lớn và nhân tố khó lường. Triển vọng kinh tế khu vực Eurozone chưa thật lạc quan. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới.

Mỹ: Trong bối cảnh kinh tế thế giới ảm đạm, Mỹ được xem là điểm sáng năm 2015. Tăng trưởng tốt và tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 4% là những điều kiện thể hiện sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ khiến FED đưa ra quyết định tăng lãi suất từ tháng 12/2015 lần đầu tiên trong gần 1 thập kỷ. Việc kí kết thành công Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa Mỹ với 11 nước thành viên là một thành quả trong đối trọng với Trung Quốc về kinh tế thương mại tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Chỉ số sản xuất PMI của Mỹ cũng liên tục ở trên ngưỡng 50 điểm, ghi nhận mức cao nhất trong năm vào tháng 3 (55,7). Tuy nhiên, chỉ số này có phần suy giảm vào cuối năm cho thấy tốc độ mở rộng chậm lại. Trong năm 2016, Mỹ đứng trước thách thức khi FED tăng lãi suất, đồng USD mạnh lên ảnh hưởng xấu đến xuất khẩu và tác động tiêu cực từ việc giảm tốc của nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới như Trung Quốc, Châu Âu và Nhật Bản. Nhiều nguy cơ năm 2016 Mỹ khó đạt được thành tích tăng trưởng ấn tượng như năm 2015.

Trung Quốc: Năm 2015 là một năm tiêu cực đối với nền kinh tế Trung Quốc. Tăng trưởng Trung Quốc chỉ đạt 6,9%. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc giảm và khả năng khó đạt được tốc độ tăng trưởng đã khiến nước này có động thái mạnh mẽ là giảm giá đồng Nhân dân tệ (CNY) nhằm thúc đẩy xuất khẩu. Động thái này của Trung Quốc ảnh hưởng khá mạnh tới kinh tế toàn cầu. Chính sách tỷ giá mới “thả nổi có điều tiết” của Trung Quốc áp dụng từ ngày 11/08 tác động mạnh đến các đồng tiền trong khu vực Châu Á. Thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng chứng kiến một giai đoạn giảm mạnh trong tâm lý hoang mang. Nhằm lấy lại niềm tin của các nhà đầu tư vào đồng CNY cũng như hỗ trợ nền kinh tế đang lao dốc, Ngân hàng Trung ương Trung (NHTW) Quốc đã đưa ra hàng loạt những biện pháp kích thích kinh tế như hạ lãi suất 6 lần liên tiếp, hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc, triển khai hàng loạt các biện pháp tăng cường bơm tiền mặt vào hệ thống tài chính thông qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO). Tuy nhiên, số liệu kinh tế vĩ mô của Trung Quốc vẫn tiếp tục gây thất vọng. Trong năm 2016, những dấu hiệu về nền kinh tế Trung Quốc giảm tốc sẽ dần bộc lộ rõ nét hơn.

Eurozone: Khu vực đồng tiền chung Châu Âu phục hồi yếu, tăng trưởng chậm với tốc độ 1,5%. Với sự hỗ trợ từ khoản mua trái phiếu trị giá 60 tỉ euro/tháng của NHTW châu Âu (ECB), Khu vực đồng Euro cuối cùng cũng đã chứng kiến những tăng trưởng ở mức tương đối và tỷ lệ thất nghiệp bắt đầu giảm. Tuy nhiên bản thân khu vực này cũng chưa giải quyết được những vấn đề nội tại như khủng hoảng nợ tại Hy Lạp, căng thẳng kinh tế với Nga xung quanh những vấn đề tại Ukraina kéo theo lệnh cấm vận kinh tế...

Với các yếu tố trên kèm theo diễn biến giảm giá mạnh của các loại hàng hóa nguyên vật liệu đầu vào, NHTW Châu Âu đã tuyên bố hạ dự báo tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát của khu vực Eurozone giai đoạn năm 2015 – 2017. ECB cũng đưa ra thêm nhiều biện pháp kích thích kinh tế như tăng hạn mức mua cổ phiếu trong chương trình mua tài sản của khu vực công từ 25% lên 33% trong tháng 8, không tăng lãi suất cơ bản trong tháng 10. Năm 2016, các biện pháp nói trên sẽ tiếp tục được duy trì, thậm chí mở rộng cho tới khi các mục tiêu chính sách cũng như tín hiệu phục hồi của nền kinh tế khu vực này trở nên rõ ràng và chắc chắn.

Nhật Bản: Nền kinh tế Nhật Bản phục hồi chậm trong năm 2015 do ảnh hưởng tiêu cực từ chính sách tăng thuế tiêu dùng và sự giảm tốc của kinh tế Trung Quốc. Kỳ vọng chính sách tiền tệ nói trên sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2016 để hỗ trợ tăng trưởng.

Sụt giảm của giá dầu thế giới

Tính từ cuộc họp của OPEC năm 2014 tại Vienna (Áo), giá dầu của OPEC đã giảm tới 50%. Tình trạng dư cung, nhu cầu dầu mỏ suy yếu của Trung Quốc- nhà nhập khẩu ròng lớn nhất thế giới và sự chia rẽ trong nội bộ OPEC là những nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm giá dầu xuống tới mức kỷ lục. Dầu thô giảm giá kéo dài tác động hết sức tiêu cực tới những hãng sản xuất dầu và các lĩnh vực liên quan đến dầu. Tình trạng thất nghiệp gia tăng, hơn 200.000 người lao động trong ngành khai thác dầu toàn cầu đã phải nghỉ việc, nhiều hoạt động sản xuất và khai thác cũng bị ngừng trệ. Giá dầu suy giảm cũng ảnh hưởng đến nguồn thu và tăng trưởng kinh tế của các quốc gia phụ thuộc vào xuất khẩu dầu.

2. Tình hình kinh tế trong nước

❖ Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

GDP năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu đề ra 6,2% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2014 cho thấy nền kinh tế đã phục hồi rõ nét. Trong mức tăng 6,68% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%, thấp hơn mức 3,44% của năm 2014, đóng góp 0,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%, cao hơn nhiều mức tăng 6,42% của năm trước, đóng góp 3,2 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 2,43 điểm phần trăm. Động lực chính cho tăng trưởng trong năm 2015 là công nghiệp với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,8-10% so với năm 2014 (năm 2014 tăng 7,6%).

Đáng chú ý, ngành thủy sản do ảnh hưởng của dịch bệnh, thời tiết và giá cả thị trường tiêu thụ sản phẩm khiến mức tăng trưởng chỉ đạt 2,8%, mức tăng trưởng thấp nhất trong 5 năm qua. Ngành xây dựng đạt mức tăng 10,82%, cao nhất kể từ năm 2010, đánh dấu sự hồi phục rõ nét của thị trường bất động sản.

❖ Lạm phát – Lãi suất

Năm 2015, lạm phát ở mức 0,63%, thấp nhất kể từ năm 2001. Lạm phát thấp trong năm 2015 không phản ánh tổng cầu yếu khi tiêu dùng gia tăng do giá hàng hóa thế giới giảm mạnh. Giá thế giới giảm đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá tiêu dùng trong nước, khiến lạm phát (tổng thể) thấp đồng thời làm giảm chi phí sản xuất trong nước, gián tiếp làm giảm lạm phát.

Lãi suất bắt đầu chịu sức ép từ năm 2015 do cầu về tín dụng tăng cao hơn năm 2014. Theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tín dụng tăng trưởng khoảng 18% trong năm 2015, cao hơn hẳn mức 14,2% trong năm 2014.

❖ Tỷ giá

Sau biến động mạnh vào tháng 08/2015, tỷ giá VND so với USD đã ổn định trở lại. Bình quân năm 2015, tỷ giá USD tăng 5,34% so với năm 2014. Trong 5 tháng đầu năm, NHNN đã 2 lần điều chỉnh và tổng cộng tăng biên độ 2% vào hai ngày 7/1/2015 và 7/5/2015. Việt Nam cũng không nằm ngoài sức ép do đồng Nhân dân tệ phá giá mạnh. Do đó, đến ngày 19/8/2015, NHNN đã tăng tỷ giá thêm 1% và nới biên độ từ +/-2% lên +/-3%. Đây được xem như một động thái đối phó trước biến động có thể xảy ra do việc phá giá đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc mang lại và đảm bảo sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

❖ Xuất nhập khẩu

Xuất khẩu năm 2015 đạt 162,4 tỷ USD, tăng 8,1% so với 2014, mức tăng thấp nhất trong 5 năm qua. Trong đó kim ngạch xuất khẩu khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 115,1 tỷ USD, chiếm 70,9% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 20,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp theo là thị trường EU và Trung Quốc.

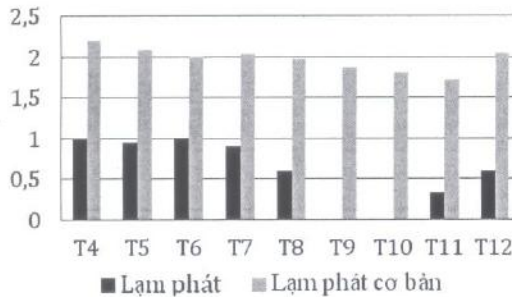
Nguyên nhân xuất khẩu năm 2015 đạt thấp hơn năm trước và thấp hơn kế hoạch đề ra là do chỉ số giá xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực giảm mạnh so với năm trước, bình quân chung giảm 3,8%, trong đó có dầu thô giảm 53%, xăng dầu giảm 49,8%, cao su giảm 24,1%... Bên cạnh đó, lượng xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản giảm mạnh: Cà phê giảm 24,3%, hạt tiêu giảm 14,7%...

❖ Tình hình doanh nghiệp

Năm 2015, doanh nghiệp đăng ký thành lập tăng mạnh về cả số lượng và vốn đăng ký, tương ứng tăng 26,6% và 39,1% so với 2014. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (đã loại trừ yếu tố giá) tăng khoảng 10,6-10,8%, là mức cao nhất trong 5 năm qua.

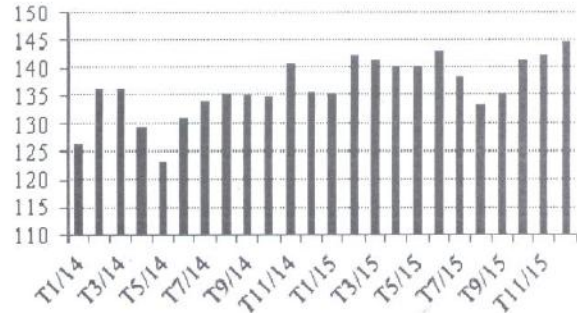
Chỉ số niềm tin tiêu dùng CCI tháng 12/2015 do ANZ công bố cũng ở mức 144,8 điểm tăng cao nhất kể từ đầu năm 2014.

Hình 1: Lạm phát và lạm phát cơ bản các tháng năm 2015, % tăng CPI so cùng kì



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 2: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng 2014-2015



Nguồn: ANZ

❖ Hệ thống ngân hàng

Tái cơ cấu ngân hàng giúp hệ thống ổn định thanh khoản, tăng trưởng tín dụng tốt, cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo hướng giảm các khoản vay ngắn hạn, khả năng sinh lời cải thiện, trích lập dự phòng rủi ro tăng. Tính đến thời điểm 18/12/2015, tăng trưởng tín dụng đạt 17,02% so với thời điểm cuối năm 2014, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2011. Huy động vốn tăng 13,49%. Thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại tiếp tục được cải thiện, đảm bảo khả năng thanh toán và chi trả của hệ thống.

Bảng 1: Khả năng sinh lời của hệ thống ngân hàng

	2013	2014	2015 Ước tính
NIM	2,8%	2,7%	2,8%
ROE	6,4%	4,6%	5,7%
ROA	0,6%	0,4%	0,4%

Nguồn: UBGSTCQG ước tính.

❖ Các hiệp định thương mại được ký kết

Các hiệp định TPP và FTA được thông qua trong năm 2015 đã tạo hiệu ứng rất tích cực trong tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế. Việc triển khai thực hiện các luật mới liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh, như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư sửa đổi; và các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh giúp cải thiện năng suất tổng hợp của nền kinh tế. Hơn nữa, TPP cũng tạo ra sức ép buộc Việt Nam phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cơ cấu lại nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao tính minh bạch trong quản lý của Nhà nước, từ đó nâng cao năng suất của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.

❖ Những rủi ro còn tồn tại:

- **Tình hình doanh nghiệp mặc dù cải thiện nhưng chưa hết khó khăn** nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp trong nước. Phần lớn những doanh nghiệp phải dừng hoạt động hoặc giải thể, phá sản trong năm 2015 là doanh nghiệp quy mô nhỏ có vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng. Doanh nghiệp trong nước cũng gặp khó khăn trong xuất khẩu khi trong năm 2015 xuất khẩu của khu vực này ước giảm 2,6%; so với mức tăng 11,5% (xuất khẩu ngoài dầu) của khu vực nước ngoài.
- **Dư địa cho hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của chính sách tài khóa cũng như tiền tệ không còn nhiều.** Cân đối khó khăn, áp lực nợ công tăng hạn chế khả năng giảm thuế cũng như tăng chi đầu tư của ngân sách Nhà nước. Do giá dầu thế giới giảm mạnh trong năm 2015, Ngân sách Nhà nước thu từ dầu thô giảm 34% so với dự toán, trong khi vẫn phải duy trì chi đầu tư phát triển để đảm bảo tổng vốn đầu tư toàn xã hội cũng như chi đảm bảo an sinh xã hội. Do đó, bội chi Ngân sách Nhà nước năm 2015 vẫn ở mức 5% GDP và nợ công tăng từ 58% GDP năm 2014 lên dự kiến 61,3% GDP.
- **Chính sách tiền tệ chịu áp lực từ xu hướng tăng lãi suất.** Lãi suất bắt đầu chịu sức ép từ năm 2015 do cầu về tín dụng tăng cao hơn năm 2014. Theo NHNN, tín dụng tăng trưởng khoảng 18% trong năm 2015, cao hơn hẳn mức 14,2% trong năm 2014. Lãi suất trái phiếu Chính phủ cũng có xu hướng tăng từ tháng 3/2015 và chưa có dấu hiệu giảm tính đến cuối năm 2015.

3. Thị trường chứng khoán Việt Nam

Năm 2015, Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam tăng trưởng nhờ điểm nhấn chính sách và thông tin từ thị trường trong nước. Tuy nhiên, những ảnh hưởng mạnh mẽ từ những diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới đã khiến TTCK năm 2015 đầy rủi ro và mức tăng không được như kì vọng.

Tiếp nối đà tăng của năm 2014, 3 tháng đầu năm 2015 thị trường tăng trưởng khá tốt (+8,04%). Tuy nhiên, ảnh hưởng tiêu cực từ Thông tư 36, dự thảo sửa đổi Thông tư 210 và việc tỷ giá liên tục tăng nóng khiến chỉ số suy giảm (-13,6%). Thanh khoản rơi về mức thấp đặc biệt trong khoảng thời gian thiếu vắng thông tin hỗ trợ cuối Quý 1 đầu Quý 2.

Từ giữa tháng 5 cho tới đầu tháng 7, chỉ số trở lại xu hướng tăng (+20,7% đạt đỉnh 638,69 ngày 14/07) nhờ vào hàng loạt các chính sách về cải cách thị trường chứng khoán được đưa ra lấy ý kiến, kỳ vọng hiệp định TPP sớm được ký kết, tăng trưởng GDP 6 tháng 2015 đạt 6,28% mức vượt kì vọng và việc FED không đặt ra thời điểm cố định cho việc tăng lãi suất khiến dòng vốn giá rẻ duy trì, vốn ngoại tích cực trở lại thị trường.

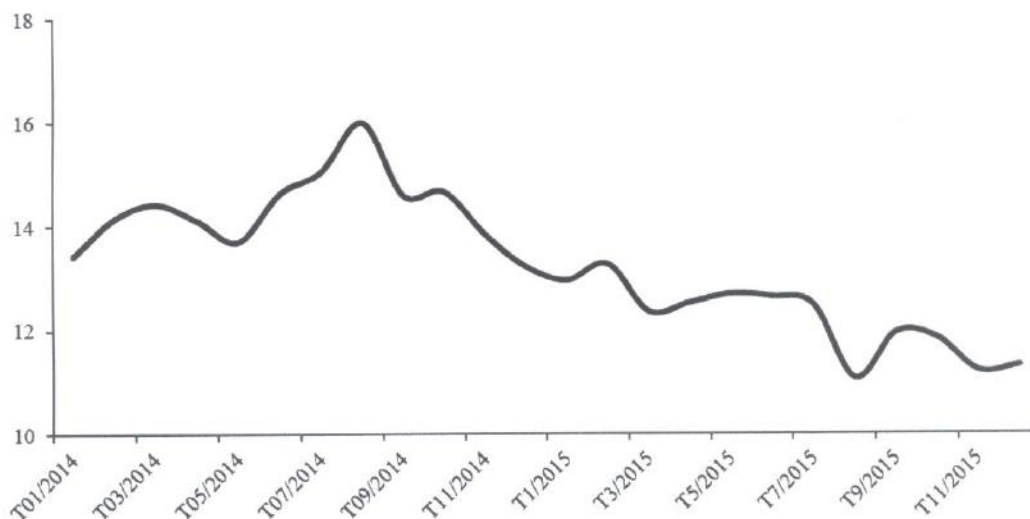
Trong tháng 7 và tháng 8, rủi ro bất ngờ từ thị trường tài chính thế giới, đặc biệt là từ Trung Quốc đã khiến chỉ số đảo chiều rơi mạnh và đánh mất hoàn toàn xu hướng tăng trung hạn trước khi trở về trạng thái đi ngang trong tháng 9.

Thị trường tăng trở lại trong tháng 10 nhờ các động lực như hiệp định TPP chính thức đàm phán thành công, đề án tái cấu trúc SCIC được công bố, FED không tăng lãi suất trong tháng 10, NHNN ban hành Thông tư 15/2015/TT-NHNN ngày 02/10/2015 hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, kết quả áp lực tỷ giá tạm lắng dịu. Tất cả các yếu tố trên khiến nhà đầu tư tạm gác lại rủi ro trong trung và dài hạn để trở lại thị trường. Giai đoạn này chứng kiến sự bùng nổ của nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn và trung bình có yếu tố cơ bản tốt, thông tin hỗ trợ.

Tuy nhiên, thị trường không kéo dài được đà tăng. Từ giữa tháng 11/2015 trở đi, tỷ giá có dấu hiệu nóng trở lại và dòng vốn tìm cách rút khỏi thị trường sau khi đạt được mức lợi nhuận khá. Lực cầu suy giảm đáng kể thể hiện rõ khi thị trường chao đảo sau phiên giao dịch chốt kỳ tái cơ cấu danh mục tháng 11 của các quỹ ETF thay vì thiết lập được trạng thái cân bằng thường thấy.

Trong tháng 12, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khi FED chính thức nâng lãi suất ở mức tối thiểu đồng thời đưa ra lộ trình tăng lãi suất từ từ, rủi ro từ phía Trung Quốc sau thời gian tạm lắng tiếp tục nổi lên mang đến rủi ro mang tính hệ thống cho thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, giá dầu thô tiếp tục suy giảm và liên tiếp thiết lập đáy mới vượt mọi kỳ vọng.

P/E của VN-Index giai đoạn 01/2014 – 12/2015



Nguồn: Bloomberg

Các nhóm ngành

Trong năm 2015, các nhóm ngành có tăng trưởng ấn tượng là Bảo hiểm (tăng 86,12%), Thực phẩm tiêu dùng (tăng 72,93%) và Ngân hàng (tăng 45,92%).

Nhóm ngành Bảo hiểm sau thời gian dài tích lũy đã bật tăng mạnh mẽ với sự dẫn dắt của BVH. Đà tăng cũng lan tỏa ra các cổ phiếu Bảo hiểm khác như BMI hay BIC với kì vọng nghị định nói room ngoại và đề án tái cấu trúc SCIC sẽ sớm được hiện thực hóa.

Ngành thực phẩm tiêu dùng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong 6 tháng cuối năm do đặc thù là nhóm cổ phiếu cổ tính phòng thủ cao. Động lực tăng chủ yếu xuất phát từ VNM khi VNM chi trả cổ tức 40% và phát hành tăng vốn tỉ lệ 5:1, giá sửa nguyên liệu suy giảm trong khi thị phần và giá bán của doanh nghiệp được duy trì ổn định, VNM nằm trong danh sách thoái vốn của SCIC và đồn đoán xung quanh việc tìm được đối tác mua lại phần vốn của SCIC.

Ngành ngân hàng trong năm qua có động lực tăng chủ yếu đến từ nhóm ngân hàng TMCP Nhà nước với mức tăng trưởng vô cùng ấn tượng như ACB, VCB, BID.

Nhóm dầu khí: Nhóm dầu khí lao dốc mạnh (-41%) theo đà giảm của giá dầu thế giới (-32,32%). Những thông tin tiêu cực từ cả hai phía cung cầu khiến giá dầu khó có thể cải thiện trong trung và dài hạn. Theo đó triển vọng kém lạc quan đối với nhóm ngành Dầu khí, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp thăm dò, khai thác dầu khí ngoài khơi do chi phí hoạt động cao.

TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả hoạt động kinh doanh		Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước	
		Năm 2014	Năm 2015	(+)/(-)	%
1	Doanh thu thuần	79.996.553.578	61.606.649.038	(18.389.904.540)	- 23,0%
2	Tổng chi phí	(69.488.095.531)	(64.367.180.507)	(5.120.915.024)	- 7,4%
3	Lợi nhuận khác	1.436.110.682	1.065.754.546	(370.356.136)	- 25,8%
	Lợi nhuận trước thuế	11.944.568.729	(1.694.766.923)	(13.639.345.652)	N/A

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2016

Trên cơ sở phân tích tình hình vĩ mô nói chung và TTCK nói riêng, chúng tôi xác định năm 2016 sẽ là năm có nhiều khởi sắc của kinh tế vĩ mô do nền kinh tế Việt Nam có thể tranh thủ cơ hội từ việc gia nhập Hiệp định đối tác kinh tế Thái Bình Dương (TPP), các hiệp định thương mại tự do và Cộng đồng kinh tế chung ASEAN (AEC). Tuy nhiên, đây cũng có thể coi là thách thức lớn đối với năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước nếu các doanh nghiệp không sẵn sàng cho thay đổi và hội nhập. Tất cả các thách thức này đòi hỏi cộng đồng doanh nghiệp và cả Chính phủ Việt Nam phải thay đổi cách thức hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Năm tài chính 2016, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam có khả năng tăng chậm lại do: (1) lạm phát có thể tăng trưởng trở lại, do đó chỉ số giá tiêu dùng sẽ tăng; (2) nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; (3) các nhân tố từ TPP, FTA, AEC bắt đầu có ảnh hưởng. Tuy nhiên, các chuyên gia kỳ vọng nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ mức tăng trưởng cao trong khu vực và tin tưởng rằng Chính phủ với bộ máy mới sẽ quyết tâm đưa ra được các giải pháp, cải cách trong thời gian tới với chính sách thận trọng dựa trên ưu tiên sự ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Đồng thời, thị trường chứng khoán sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức trong năm 2016, tuy nhiên, với phần lớn các cổ phiếu trên thị trường có P/E dưới 10x và đa số các cổ phiếu có P/B dưới 1,5x và thấp hơn nhiều so với thị trường các nước trong khu vực. Cùng với việc Chính phủ Việt Nam ban hành nghị định 60/2015/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Nghị định này đã chính thức có hiệu lực từ ngày 01/09/2015, đã thay đổi về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó, doanh nghiệp đại chúng không rơi vào các trường hợp đặc biệt thì khối ngoại hoàn toàn có thể sở hữu 100% cổ phần nếu điều lệ không có quy định giới hạn. Đây là một khoảng cách lớn so với giới hạn tỷ lệ 49% như trước đây. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư giá trị.

Trên cơ sở phân tích như vậy quan điểm chủ đạo của Ban điều hành SHBS trong năm 2016 là: tiếp tục thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm. Đồng thời, xây dựng nguồn lực nhân sự để tận dụng tối đa hoạt động thu xếp vốn, phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp. Tập trung khai thác tối đa các mối quan hệ để tham gia các hoạt động tư vấn cổ phần hóa, tư vấn thoái vốn để tạo dựng nền tảng khách hàng cho các hoạt động tư vấn và đầu tư sau này. Đồng thời SHBS phải tận dụng tối đa các cơ hội của thị trường để tạo lợi nhuận ngắn hạn từ hoạt động đầu tư, xác lập thị phần môi giới ổn định từ nhóm khách hàng đã có trong năm 2015, phát triển tối đa mạng lưới khách hàng từ các Chi nhánh của Ngân hàng mẹ SHB để phát triển. Cụ thể:

a) Về doanh thu

Tập trung đẩy mạnh doanh thu từ mảng hoạt động thu xếp vốn, đầu tư, môi giới và nguồn vốn. Tiếp cận và khai thác tối đa các doanh thu có thể phát sinh từ Ngân hàng mẹ thông qua các Hợp đồng dịch vụ, Hợp đồng Tư vấn thu xếp vốn...

b) Về chi phí

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý chi phí trên cơ sở tiết giảm tối đa. Tận dụng tối đa các nguồn lực từ SHB (bao gồm cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và vốn) để phát triển mạng lưới, xây dựng sản phẩm cạnh tranh.

c) Mục tiêu

- Tăng thị phần môi giới từ 1,0 lên 1% - 1,5% toàn thị trường. Nằm trong top 20 Công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất.
- Mạng lưới: duy trì 01 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, liên kết với hệ thống SHB để phát triển các điểm hỗ trợ nhà đầu tư.

- Lợi nhuận đạt 10% trên vốn sử dụng;
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết với các Tổng Công ty, các Tập đoàn kinh tế nhằm mục đích cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Xây dựng văn hóa SHBS tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả, xứng đáng là nơi gửi gắm niềm tin của người lao động đồng thời khẳng định văn hóa của ngân hàng mẹ - SHB.

d) Chiến lược:

- Chiến lược khác biệt hóa;
- Lấy điểm tựa là SHB để xây dựng các sản phẩm của SHBS, sử dụng sản phẩm chéo với SHB;
- Đầu tư nguồn lực để phát triển hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, thu xếp vốn và tư vấn phát hành trái phiếu;
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư ngắn hạn để tạo lợi nhuận bù đắp chi phí, đồng thời đẩy mạnh phát triển hoạt động Môi giới từ danh mục khách hàng hiện có;
- Chọn thị trường ngách làm nơi tạo dựng Thương hiệu: phát triển các Chi nhánh ở những thị trường ngách tiềm năng như Hải Phòng, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Cần Thơ,... từ đó xây dựng nguồn lực để cạnh tranh trực diện tại hai thị trường lớn là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015
CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015

M	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
01	1. Doanh thu	79.996.553.578	61.606.649.038
	Trong đó:		
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	25.660.340.610	18.377.616.358
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.219.216.113	3.669.341.182
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn	17.103.592.273	18.582.604.544
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán	769.571.843	1.034.676.676
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-
01.9	- Doanh thu khác	20.243.832.739	19.942.410.278
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	79.996.553.578	61.606.649.038
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	(48.429.940.592)	(30.219.470.187)
20	5. Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	31.566.612.986	31.387.178.851
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(21.058.154.939)	(34.147.710.320)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	10.508.458.047	(2.760.531.469)
31	8. Thu nhập khác	1.436.110.682	1.066.718.852
32	9. Chi phí khác	-	(964.306)
40	10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	1.436.110.682	1.065.754.546
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	11.944.568.729	(1.694.776.923)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.557.966.902)	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	10.386.601.827	(1.694.776.923)
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	692	(113)

Nguồn: BCTC SHBS Kiểm toán 2015

Năm tài chính 2015 doanh thu thuần của SHBS đạt 61,6 tỷ đồng, giảm 18,3 tỷ đồng, tương đương mức giảm 23,0% so với kết quả đạt được của năm 2014. Nhóm doanh thu giảm mạnh là doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán giảm từ 16,2 tỷ đồng xuống còn 3,7 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán giảm từ 25,6 tỷ đồng xuống còn 18,3 tỷ đồng, tương ứng mức giảm lần lượt là 77,4% và 28,4%. Nhóm doanh thu tăng chứng kiến mức tăng ấn tượng của hoạt động lưu ký chứng khoán với mức tăng 34,4%, từ mức doanh thu 769 triệu đồng của năm 2014 lên mức 1,034 tỷ đồng vào năm 2015. Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt ở mức cao, đạt 18,6 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2014. Doanh thu thuần giảm cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 62,2% dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của SHBS thua lỗ 1,694 tỷ đồng. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 10,386 tỷ đồng

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (“SHBS”) đang tồn tại ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (“EY”).

Nội dung của ý kiến ngoại trừ cụ thể như sau: “Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 – Các khoản phải thu ngắn hạn, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang có khoản phải thu nhóm khách hàng KTB, KSS với tổng số tiền là 136.157.434.961 VND, nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhà Hà Nội (tên trước đây của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB), đơn vị do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội sở hữu 98,47%. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu này là 40.501.639.833 VND. Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng ở mức 100% theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC đối với các khoản phải thu đã quá hạn trên 3 năm. Dự phòng phải thu khó đòi đối với số phải thu còn lại đã được Công ty thực hiện trích lập theo lộ trình do ngân hàng mẹ (Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội) đề xuất trong Đề án sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016-2018”. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”), Công ty phải trích lập dự phòng thêm 42.513.686.724 VND cho khoản phải thu này. Nếu Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200, các khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm một khoản tương ứng.”

Liên quan đến vấn đề này, SHBS xin được giải trình như sau:

Thứ nhất, về khoản phải thu nhóm khách hàng KTB, KSS:

SHBS được tái cơ cấu trên cơ sở kế thừa từ Công ty chứng khoán Habubank (“HBBS”) nằm trong Đề án sáp nhập Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (“Habubank”) vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (“SHB”) đã được Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền liên quan xem xét và chấp thuận. Trên thực tế, ngoài việc tiếp nhận các cơ sở pháp lý, cơ sở vật chất, hệ thống khách hàng, SHBS còn chịu trách nhiệm tiếp tục với các khoản nợ, tồn đọng tài chính lớn do HBBS để lại.

Trong số đó, đáng kể nhất là khoản phải thu từ nhóm khách hàng KTB, KSS. Khoản phải thu này bắt nguồn từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao dịch của HBBS cho 28 Khách hàng là cán bộ, nhân viên của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc (KTB) và Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico (KSS) từ tháng 05 năm 2011. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, khoản phải thu nhóm khách hàng này đã lên đến 136.157.434.961 VND. Khoản phải thu này vẫn được SHBS theo dõi và cập nhật thông tin thường xuyên trong các Báo cáo tình hình hoạt động và Báo cáo tình hình xử lý và trạng thái các hợp đồng hỗ trợ vốn ngoài kỳ quỹ định kỳ gửi tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thứ hai, về vấn đề trích lập dự phòng đối với khoản phải thu nhóm khách hàng KTB, KSS:

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, SHBS đã tiến hành trích lập dự phòng đối với khoản phải thu nhóm khách hàng KTB, KSS với giá trị là 40.501.639.833 VND, số phải thu còn lại chưa trích lập dự phòng là 95.655.795.128 VND.

Theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, SHBS cần phải trích lập dự phòng đối với khoản phải thu của nhóm khách hàng KTB, KSS thêm 42.513.686.724 VND.

Tuy nhiên, SHBS hiện đang tiến hành trích lập dự phòng đối với khoản phải thu của nhóm khách hàng KTB, KSS theo đúng lộ trình tại Đề án sáp nhập Habubank vào SHB được chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016-2018. Theo đó, Đề án cho phép các khoản phải thu khó đòi do Habubank và HBBS để lại sẽ được phân bổ trích lập dự phòng theo lộ trình trong 10 năm.

Như vậy, việc trích lập dự phòng của SHBS là có đầy đủ cơ sở. Việc cho phép kéo dài thời hạn trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi nêu trên là phù hợp với tình hình hiện tại và kế hoạch hoạt động trong tương lai gần của Công ty. Công ty đã đặt kế hoạch và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện các biện pháp để thu hồi khoản phải thu này trong thời hạn sớm nhất.

1/1/15

HOẠT ĐỘNG CỦA SHBS

Đối với hoạt động môi giới:

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán của SHBS năm 2015 chỉ đạt 18,37 tỷ đồng giảm 28,38% so với doanh thu môi giới năm 2014. Tính đến 31/12/2015, SHBS có khoảng 11.000 tài khoản với tỷ lệ tài khoản có số dư là gần 45%, tỷ lệ tài khoản hoạt động đạt 18,1%. Thị phần giao dịch đạt 0,619% trên HSX và 0,823% trên HNX, giảm so với 0,73% trên HSX và 1,06% trên HSX vào năm 2014. Năm 2016, SHBS tiếp tục tập trung củng cố hệ thống công nghệ thông tin, đa dạng hóa các sản phẩm hỗ trợ nhà đầu tư và mở rộng mạng lưới chi nhánh với mục tiêu tăng thị phần môi giới tới 1,0 – 1,5% thị trường.

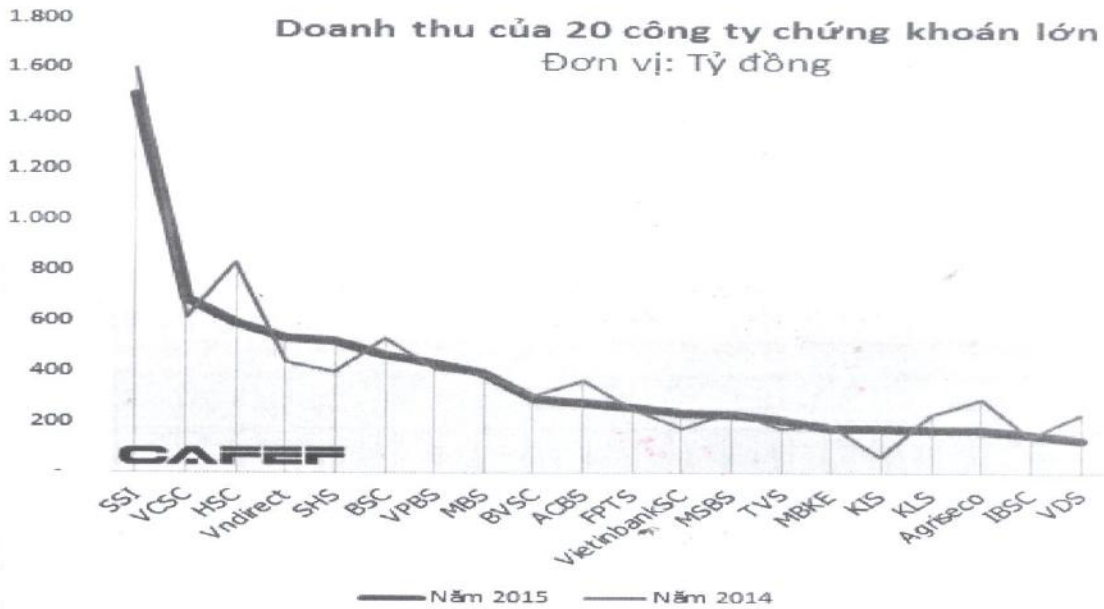
Đối với các hoạt động Tự doanh, Tư vấn, Phân tích:

Do hạn chế về vốn hoạt động đồng thời không có nhân sự phụ trách mảng hoạt động tự doanh, do vậy doanh thu từ hoạt động tự doanh sụt giảm 77,4%, từ mức 16,2 tỷ đồng xuống còn 3,7 tỷ đồng năm 2015. SHBS năm nay đã thực hiện thành công mục tiêu bảo toàn vốn do nhiều đột biến của thị trường. Nguyên nhân chính của việc không hoàn thành kế hoạch tự doanh là: (1) Việc giá dầu trên thế giới lao dốc mạnh đã khiến thị trường chứng khoán sụt điểm nghiêm trọng liên tiếp, nhiều tổ chức đã rơi vào tình trạng giảm lãi tự doanh hoặc thậm chí lỗ lớn. (2) Năm 2015, Ban lãnh đạo đã kịp thời điều chỉnh định hướng trong hoạt động kinh doanh khi giảm quy mô đầu tư cho hoạt động tự doanh. Quy mô giao dịch bình quân trong năm 2015 chỉ khoảng hơn 8 tỷ đồng. Việc giảm quy mô đầu tư khiến doanh thu từ hoạt động tự doanh giảm mạnh nhưng cũng đã giúp Công ty tránh được việc thua lỗ bởi trong năm 2015, diễn biến chủ đạo của thị trường chứng khoán Việt Nam là xu hướng đi xuống. (3) Việc SHBS vẫn duy trì được lợi nhuận tự doanh tốt là thành công của mảng tự doanh năm nay, việc cập nhật thông tin nhanh chóng để đưa ra dự đoán trong ngắn hạn đã giúp hoạt động tự doanh luôn chủ động hơn những diễn biến thị trường. Hoạt động phân tích cũng được chú trọng phát triển để hỗ trợ nhà đầu tư trong việc lựa chọn danh mục đầu tư tối ưu và phòng tránh rủi ro.

Mặt khác, hoạt động tư vấn giữ mức tăng trưởng tốt với sự hỗ trợ của phía Ngân hàng TMCP SHB, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, tổng doanh thu hoạt động tư vấn đạt 18,6 tỷ đồng, tăng 8,6% so với năm 2014. Năm 2015, SHBS cũng đã kết nối được với các Sở ban ngành của một số địa phương để thực hiện thoái vốn cổ phần của Nhà nước tại một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Bắc Kạn, Sơn La, Hòa Bình Đồng thời SHBS đã duy trì và mở rộng mối quan hệ với các Tổng công ty nhằm khai thác các cơ hội ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ tư vấn tài chính cho Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Năm 2015, với sự hỗ trợ của Ngân hàng SHB và Ban lãnh đạo Công ty, Phòng tư vấn đã tích cực thực hiện các hợp đồng liên quan đến tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của phòng.

Phòng tư vấn cũng đã phát triển, mở rộng các hoạt động tư vấn sang M&A, tái cấu trúc và nhiều hoạt động khác để đa dạng hóa dịch vụ sản phẩm của Phòng, hướng tới mở rộng hệ thống khách hàng cho phòng.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NỘI CHUNG



Về doanh thu:

Kết thúc năm tài chính 2015, doanh thu của nhiều công ty chứng khoán có biến động lớn. Cụ thể, mức tăng trưởng ấn tượng về doanh thu là công ty chứng khoán KIS, từ 62 tỷ đồng lên 172 tỷ đồng. Sau nhiều năm giữ ở vị trí thứ 2 về cả doanh thu lẫn lợi nhuận thì năm 2015 HSC để VCSC giành vị trí, cụ thể doanh thu và lợi nhuận năm 2015 của HSC giảm lần lượt là 240 tỷ và 210 tỷ đồng. Doanh thu sụt giảm là do HSC giảm tự doanh.

Ở vị trí dẫn đầu khác biệt là SSI với 1.500 tỷ đồng doanh thu và 1.200 tỷ đồng lợi nhuận. Có 2 công ty trong số này báo lỗ là Agriseco (lỗ 214 tỷ) và KLS (68 tỷ). Agriseco lỗ do phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi, trong khi đó KLS lỗ vì đầu tư vào một số cổ phiếu dầu khí.

Về thị phần

Năm 2015, thị trường có nhiều đợt tăng giảm, thanh khoản thấp hơn so với năm 2014, cả hoạt động môi giới lẫn tự doanh của các CTCK không thuận lợi. Tuy vậy, cuộc chiến giành thị phần vẫn diễn ra mạnh mẽ. Điểm lại bảng xếp hạng thị phần trong quý IV/2015, trên HOSE, Top 3 CTCK có thị phần lớn nhất lần lượt thuộc về SSI, HSC và VCSC.

Trong khi đó, BVSC “nhường” vị trí Top 10 cho CTCK BSC. Trên HNX, Top 3 CTCK có thị phần lớn nhất không có sự thay đổi so với quý IV/2015, lần lượt thuộc về SSI, VNDS và SHS. Nổi bật là KIS có sự vượt bậc trên bảng xếp hạng, ở vị trí thứ 4 trên HNX và vị trí thứ 8 trên HOSE. Sự “dịch chuyển” của KIS đã bắt đầu nhen nhóm ngay từ khi Công ty tăng vốn lên hơn 1.100 tỷ đồng.

Về hoạt động tái cấu trúc các công ty chứng khoán:

UBCKNN tiếp tục thực hiện Đề án tái cấu trúc công ty chứng khoán theo lộ trình đã đề ra, trong năm 2015 công tác tái cấu trúc đã đạt được kết quả khả quan. Năm 2015 tiếp tục là năm tái cấu trúc lại ngành. Số lượng CTCK giảm còn 80 công ty, số lượng công ty Quản lý quỹ giảm còn 43 công ty. Việc tái cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán dựa trên các chỉ tiêu an toàn tài chính tiếp tục được tiến hành chặt, số CTCK thua lỗ đã giảm từ 60% xuống còn dưới 20%. Do vậy năng lực quản trị của các công ty, quản trị rủi ro, năng lực tài chính và hệ thống hạ tầng công nghệ của các công ty chứng khoán ngày càng được nâng cao. Kết quả đạt được là các công ty chứng khoán đã thực hiện quản lý trên 1,5 triệu tài khoản giao dịch, giao dịch của khách hàng được đảm bảo thông suốt, hiệu quả an toàn và đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

Trong năm 2015, UBCKNN đình chỉ hoạt động 03 công ty chứng khoán, thu hồi giấy phép hoạt động do giải thể 02 công ty chứng khoán, chấp thuận cho 01 công ty chứng khoán được thực hiện thủ tục giải thể theo Luật doanh nghiệp, hợp nhất 04 công ty chứng khoán, đưa 01 công ty chứng khoán vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, đưa 01 công ty chứng khoán ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt và xem xét hồ sơ hướng dẫn thủ tục hợp nhất 02 công ty chứng khoán.

UBCKNN thúc đẩy việc mở cửa cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam với tỷ lệ lên đến 100% đúng theo cam kết quốc tế. Năm 2015, UBCKNN đã chấp thuận cho 02 công ty chứng khoán chuyển sở hữu 100% cổ đông nước ngoài, đưa tổng số công ty chứng khoán có tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên 49% là 05 công ty chứng khoán

1.57 - 5.99 V-1

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**1. Đội ngũ nhân sự**

Tính đến trước thời điểm 31/12/2015, tổng số nhân sự tại SHBS là 80 người, trong đó tại Hội sở chính là 69 người và Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh là 11 người. Cụ thể như sau:

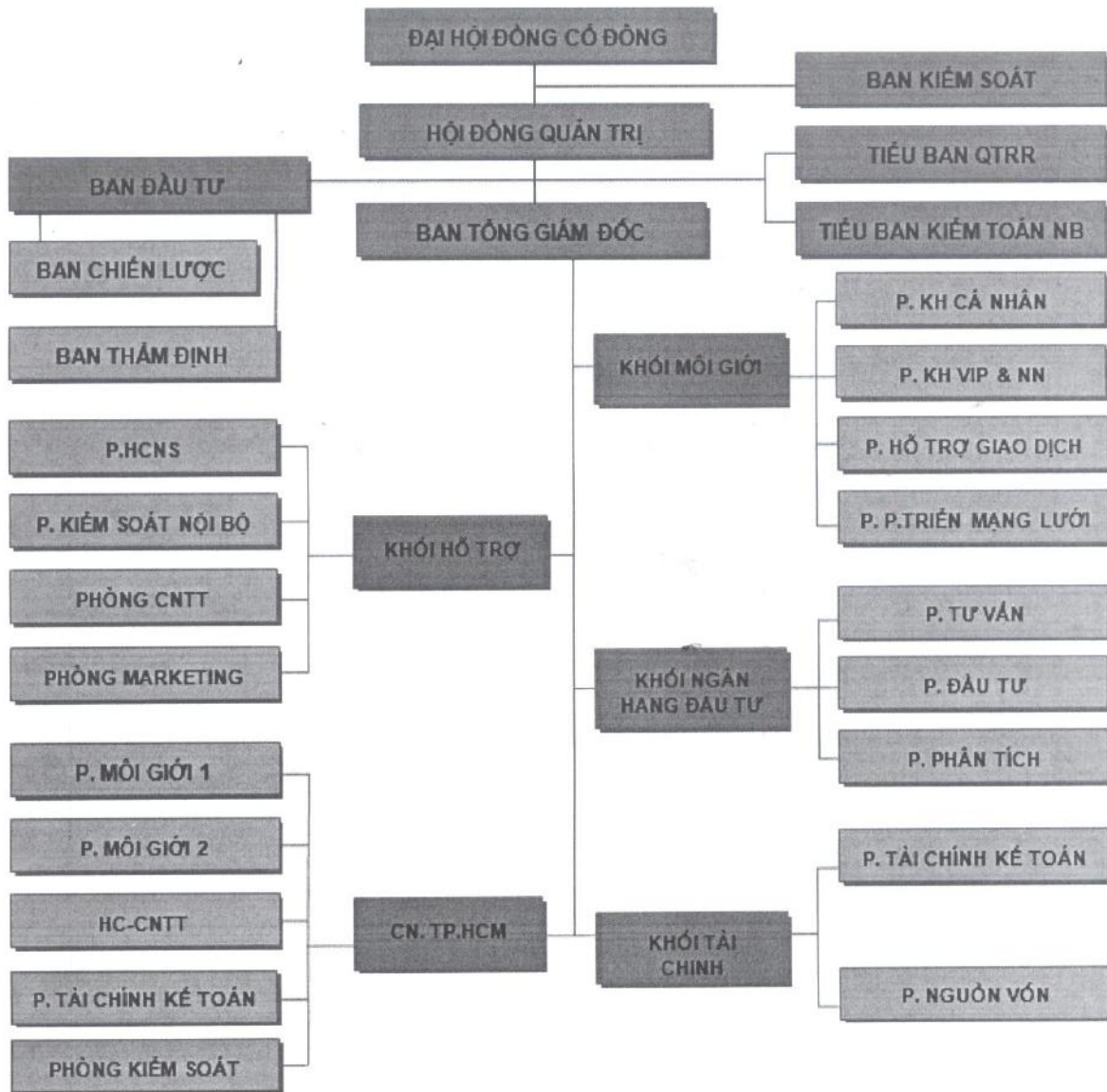
STT	Phòng/Ban	Hội sở (người)	Chi nhánh (người)
1.	Ban Tổng Giám đốc	2	1(*)
2.	Khối Môi giới: KHCM; Khách hàng VIP&NN; Hỗ trợ Giao dịch và Phát triển Mạng lưới	24	6
3.	Khối Ngân hàng Đầu tư: Tư vấn; Phân tích; Đầu tư	11	0
4.	Khối Tài chính: Tài chính Kế toán, Nguồn vốn	12	3
5.	P. Marketing	2	0
6.	Phòng Hành chính Nhân sự	8	1
7.	Phòng Kiểm soát Nội bộ	5	0
8.	Phòng Công nghệ Thông tin	5	1
	Tổng	69	11

Trong đó:

- 11/80 có trình độ Thạc sỹ chiếm 14%
- 67/80 có trình độ Đại học chiếm 84%
- 01/80 có trình độ Cao đẳng chiếm 1%
- 01/80 có trình độ Trung cấp, THPT chiếm 1%.

(*): Ông Nguyễn Thế Minh – chức vụ: Tổng Giám đốc đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

2. Cơ cấu tổ chức



T I N G T M

3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN LÊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị SHBS

Ông Nguyễn Văn Lê hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (SHAMC), Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Bảo hiểm SHB - Vinacomin (SVIC), Công ty Thủy sản Gentraco, Thành viên HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Sài Gòn - Hà Nội (SHF), Công ty CP Phát triển đô thị và khu CN SHB (SHB Land). Ông Nguyễn Văn Lê được tin nhiệm bầu chọn làm Chủ tịch Hội đồng quản trị SHBS, với hơn 18 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Đặc biệt, Ông liên tiếp nhiều năm đạt bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, giải thưởng Nhà lãnh đạo xuất sắc. Ông được tin tưởng sẽ đồng hành cùng SHBS với những định hướng chỉ đạo sáng suốt nhất nhờ trải nghiệm dày dặn và những thành công có được trên thị trường tài chính, chứng khoán Việt Nam.



Bà Ninh Thị Lan Phương
Thành viên Hội đồng quản trị SHBS

Bà Ninh Thị Lan Phương hiện là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội. Trước khi được bầu làm Thành viên HĐQT SHBS, bà Phương đã có nhiều năm công tác tại Ngân hàng TMCP Quốc tế trong lĩnh vực tài chính kế toán với vai trò kế toán, kiểm soát kế toán và kế toán trưởng. Bà Phương đã có 04 năm là kế toán trưởng của Ngân hàng Việt Thái HN. Tốt nghiệp Học viện ngân hàng chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, Bà Phương đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sỹ Tài chính – Tín dụng. Được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT SHBS, Bà Phương tin tưởng sẽ có đóng góp những kinh nghiệm quý báu của mình trong lĩnh vực quản trị tài chính, giúp SHBS đạt được những mục tiêu đã đề ra.



Bà Ngô Thu Hà
Thành viên Hội đồng quản trị SHBS

Bà Ngô Thu Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TCMP Sài Gòn – Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng, bà Hà đã hoàn thành chương trình thạc sỹ quản trị kinh doanh. Năm 2009, bà Hà bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình Nghiên cứu sinh tại đại học Allborg – Đan Mạch.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng, bà Ngô Thu Hà đã trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các Ngân hàng hàng đầu trong khu vực và Việt Nam như: Ngân hàng Tokyo-Misubishi – Nhật Bản, Phụ trách thẩm định tài chính dự án tại Công ty Điện toán và Truyền số liệu – Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam. Sau khi trải qua nhiều vị trí tại Ngân hàng TCMP Sài Gòn – Hà Nội như: Trợ lý TGD, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phó Giám đốc, Bà Hà đã được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SHB. Bà Hà đã vinh dự nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua và Bằng khen của Thống đốc NHNN Việt Nam. Với vai trò là Thành viên HĐQT của SHBS, bà Hà sẽ mang lại nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc định hướng chiến lược kinh doanh và kế hoạch hoạt động của Công ty.



Bà Hoàng Thị Mai Thảo
Thành viên Hội đồng quản trị SHBS

Trước khi được bổ nhiệm làm Giám đốc khối Nguồn vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, bà Hoàng Thị Mai Thảo đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, đặc biệt là hoạt động huy động và kinh doanh Nguồn vốn. Bà Thảo đã từng giữ vị trí Trưởng phòng Nguồn vốn, Giám đốc CN Ngô Quyền của Ngân hàng VP. Hiện bà Thảo đã hoàn thành chương trình Thạc sỹ tài chính Ngân hàng. Với vai trò là Thành viên HĐQT SHBS, bà Thảo sẽ có những tư vấn chiến lược về hoạt động huy động, sử dụng và kinh doanh nguồn, làm cầu nối hữu hiệu giữa SHB và SHBS trong việc sử dụng các dịch vụ tài chính hữu hiệu nhất.



ÔNG NGUYỄN THẾ MINH
Tổng Giám đốc SHBS

Ông Nguyễn Thế Minh là một chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Trước khi gia nhập SHBS với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bằng khả năng lãnh đạo sắc sảo và nhạy bén, Ông Minh đã rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các Công ty chứng khoán như CTCK Việt Tín, CTCK Sài Gòn – Hà Nội và CTCK Chứng khoán Hải Phòng, CTCK Maritime Bank. Ngoài ra thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (1992-1996) và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp như Công ty SXKD-XNK Chấn Hưng, Công ty CPTM Nghệ An tại Hà Nội (1997 – 2006) cũng mang lại cho Ông nhiều kinh nghiệm quý báu khác. Ông Minh đã hoàn thành Chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) được tổ chức bởi Đại học HSB – Irvine (Hoa Kỳ).

10/12/2015

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Đình Dương
Trưởng Ban kiểm soát SHBS



Ông Lê Minh Thuyết
Thành viên Ban kiểm soát SHBS



Ông Trịnh Kỳ Sơn
Thành viên Ban kiểm soát SHBS

4. Ban Tổng giám đốc

ÔNG NGUYỄN THẾ MINH
Tổng Giám đốc SHBS

Ông Nguyễn Thế Minh là một chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Trước khi gia nhập SHBS với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bằng khả năng lãnh đạo sắc sảo và nhạy bén, Ông Minh đã rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các Công ty chứng khoán như CTCK Việt Tín, CTCK Sài Gòn – Hà Nội và CTCK Chứng khoán Hải Phòng, CTCK Maritime Bank. Ngoài ra thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (1992-1996) và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp như Công ty SXKD-XNK Chấn Hưng, Công ty CPTM Nghệ An tại Hà Nội (1997 – 2006) cũng mang lại cho Ông nhiều kinh nghiệm quý báu khác. Ông Minh đã hoàn thành Chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) được tổ chức bởi Đại học HSB – Irvine (Hoa Kỳ).



ÔNG HOÀNG THANH TUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Đại học KTQD khoa Kinh tế đầu tư, Ông Hoàng Thanh Tuấn đã có thời gian làm việc tại Tổ thẩm định Ngân hàng Sacombank – Khu vực phía bắc trước khi tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2005 với vai trò là phụ trách Đầu tư khu vực Phía Bắc của Sacombank, Ông Hoàng Thanh Tuấn đã có 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư với các vị trí quản lý như Trưởng phòng Phân tích, Trưởng đại lý nhận lệnh Hà Nội, Phó giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội của Công ty cổ phần Chứng khoán Sacombank. Ông Tuấn đã hoàn thành Khóa học MBA do Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG) tổ chức và MsC của Trường SKEMA Bussiness School thuộc Cộng hòa Pháp.

5. Chính sách nhân sự

Chiến lược nhân sự

- Xây dựng nguồn nhân lực xuất sắc với tinh thần tận tâm cống hiến, có ý thức tự đào tạo, có khả năng tác nghiệp độc lập và theo nhóm để tạo ra giá trị cốt lõi cho SHBS;
- Xây dựng nguồn nhân lực có năng lực và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được các mục tiêu lâu dài của SHBS

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Nhân lực là nguồn tài sản quý giá và then chốt của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính như SHBS;
- Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển của đất nước, của ngành tài chính và mục tiêu của SHBS là lọt vào TOP những công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam;
- Thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực nội bộ, trong Tập đoàn đồng thời tuyển dụng bổ sung nhân lực từ bên ngoài;

Thực hiện chính sách sử dụng nguồn nhân lực lâu dài bằng các chương trình huấn luyện đào tạo và phân công công việc hợp lý, kết hợp với các chính sách lương, thưởng nhằm tạo môi trường, động lực tốt nhất để nguồn nhân lực phát triển đồng hành với doanh nghiệp.

Những thay đổi về thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành trong năm 2015 như sau:

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2015 không có thay đổi so với năm 2014, cụ thể tại ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ngô Thu Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Ninh Thị Lan Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Bà Hoàng Thị Mai Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2015 không có thay đổi so với năm 2014, cụ thể tại ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Đình Dương	Trưởng ban kiểm soát	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Trịnh Kỳ Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Lê Minh Thuyết	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2012
Ông Hoàng Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2015
Ông Trần Quý Hải	Giám đốc Khối Tài chính	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2015

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trước những biến động của thị trường chứng khoán nói riêng và môi trường kinh doanh nói chung trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 phiên họp cùng với Ban Tổng Giám đốc với chi tiết như sau:

- **Ngày 2/1/2015:** Họp HĐQT SHBS thông qua phương án phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị
- **Ngày 5/1/2015:** Họp HĐQT SHBS về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2015
- **Ngày 10/4/2015:** Họp HĐQT SHBS thường kỳ Quý I/2015, nội dung cuộc họp để thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý I và kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2015 do Tổng giám đốc trình bày.
- **Ngày 10/7/2015:** Họp HĐQT SHBS thường kỳ Quý II/2015, nội dung cuộc họp để thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm do Tổng giám đốc trình bày.
- **Ngày 2/10/2015:** Họp HĐQT thảo luận về phương án huy động vốn Công ty
- **Ngày 23/11/2015:** Họp HĐQT SHBS thường kỳ Quý III/2015, nội dung cuộc họp để thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý III/2015 do Tổng giám đốc trình bày.
- **Ngày 8/12/2015:** Họp HĐQT SHBS thông qua việc kết hợp với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và ủy quyền người đại diện giao dịch.
- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01A/QĐ-HĐQT	05/01/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc chi thù lao bổ sung đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
2	01/QĐ-HĐQT	29/01/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành chính sách quản trị rủi ro của Công ty CP CK SHB
3	02QĐ-HĐQT	27/03/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 02/05/2013 của HĐQT SHBS
4	03/QĐ-HĐQT	10/04/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015
5	04/QĐ-HĐQT	10/04/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015
6	05/QĐ-HĐQT	17/08/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán đối với Bà Nguyễn Thị Phương Hoa để giải quyết thủ tục

			chấm dứt HĐLĐ tại SHBS từ ngày 17/8/2015
7	06/QĐ-HĐQT	01/09/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc bổ nhiệm thử thách có thời hạn 01 năm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc SHBS đối với ông Hoàng Thanh Tuấn kể từ ngày 01/09/2015
8	07/QĐ-HĐQT	01/09/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc xếp lương đối với Ông Hoàng Thanh Tuấn, Phó Tổng giám đốc SHBS
9	08/QĐ-HĐQT	01/09/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối tài chính đối với ông Trần Quý Hải để giải quyết thủ tục chấm dứt HĐLĐ tại SHBS kể từ ngày 01/09/2015
10	10/QĐ-HĐQT	01/12/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc bổ nhiệm thử thách có thời hạn 01 năm giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh SHBS TP HCM đối với ông Trương Huỳnh Anh Tuấn kể từ ngày 01/12/2015
11	11/QĐ-HĐQT	01/12/2015	Quyết định của Chủ tịch HĐQT về việc xếp lương đối với Ông Trương Huỳnh Anh Tuấn, Phó Giám đốc Chi nhánh SHBS TP HCM

1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị SHBS trực tiếp tham gia quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty;

- Hội đồng quản trị SHBS trực tiếp tham gia quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị luôn bám sát các hoạt động kinh doanh đồng thời trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của công ty;
- Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, hoàn cảnh kinh tế và TTCK, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật; đảm bảo thực hiện đạt kế hoạch kinh doanh năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- HĐQT theo dõi và cập nhật hàng ngày quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc báo cáo trực tiếp bằng văn bản của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc,
- Bên cạnh việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực trong khuôn khổ hoạt động của mình, tổ chức các cuộc họp cần thiết để từ đó đưa ra những ý kiến chỉ đạo kịp thời cho những hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2015 HĐQT đã thông qua phương án phát hành trái phiếu SHBS nhằm đảm bảo năng lực tài chính cho hoạt động của Công ty;
- Tiến hành 07 cuộc họp HĐQT để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;
- Xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền HĐQT;

- Ban hành 11 Quyết định, ký phê duyệt 25 Tờ trình của Ban TGD liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban TGD trong việc triển khai nhiệm vụ.

2. HĐQT hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa để công ty khai thác các khách hàng và nguồn lực từ ngân hàng mẹ SHB

Hội đồng quản trị của SHBS, trong đó phần lớn các thành viên đều nằm trong Ban lãnh đạo của Ngân hàng mẹ SHB, trực tiếp tham gia vào quá trình quản trị và điều hành Công ty, nhờ đó đã kết nối SHBS với các nguồn lực của Ngân hàng mẹ SHB, hỗ trợ tối đa nguồn lực về khách hàng, về các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng mẹ - SHB, tư vấn định hướng trong việc liên kết bán chéo các sản phẩm với Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã đưa ra những định hướng đúng đắn về khách hàng mục tiêu, về các sản phẩm lõi của Công ty, góp phần lớn vào kết quả kinh doanh của Công ty năm 2015, giúp SHBS đạt được những bước tiến quan trọng về thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Năm tài chính 2015 được coi là năm có nhiều biến động lớn về mặt kinh tế - chính trị - xã hội, ngành chứng khoán gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự hỗ trợ toàn diện của của HĐQT SHBS đã từng bước vượt qua khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều khởi sắc, tuy nhiên, do quy mô vốn điều lệ nhỏ và còn tồn tại các vấn đề tài chính cũ nên hoạt động sản xuất kinh doanh của SHBS còn nhiều mặt bị hạn chế,

11.10.00.1.1.1

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát SHBS đã thực hiện các hoạt động của BKS SHBS theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại Điều lệ SHBS, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS SHBS, các quy định khác của SHBS và của pháp luật có liên quan, bao gồm:

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao hàng năm của BKS, về kết quả thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của SHBS theo quy định.
- Làm việc với HĐQT và Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác của BKS và hoạt động Kiểm soát nội bộ của SHBS.
- Thành lập, Tham gia các Đoàn công tác của BKS khi thấy cần thiết hoặc các Đoàn kiểm tra đột xuất đối với các đơn vị SHBS do HĐQT hoặc TGD ra quyết định thành lập
- Tham gia ý kiến đối với các dự thảo quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của SHBS do các phòng, ban đầu mối tại Trụ sở chính gửi đến lấy ý kiến tham gia.
- Tham gia các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Ban Điều hành, các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh của SHBS khi được mời tham dự.
- Thực hiện các công tác khác theo quy định tại Điều lệ SHBS, của pháp luật, theo yêu cầu của HĐQT và đề nghị của Tổng Giám đốc
- Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát của BKS đối với việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

11/11/2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60755010/17097143

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 5 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 – Các khoản phải thu ngắn hạn, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang có khoản phải thu nhóm khách hàng KTB, KSS với tổng số tiền là 136.157.434.961 VND, nhận bán giao từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhà Hà Nội (tên trước đây của Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB), đơn vị do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội sở hữu 98,47%. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu này là 40.501.639.833 VND. Trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng ở mức 100% theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp đối với các khoản phải thu đã quá hạn trên 3 năm. Dự phòng phải thu khó đòi đối với số phải thu còn lại đã được Công ty thực hiện trích lập theo lộ trình do ngân hàng mẹ (Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội) đề xuất trong “Đề án sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016-2018”. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), Công ty phải trích lập dự phòng thêm 42.513.686.724 VND cho khoản phải thu này. Nếu Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200, các khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm một khoản tương ứng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1

Đặng Phương Hà
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 5 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		442.936.246.089	460.371.858.005
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	84.178.243.998	176.470.765.183
120	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	6	40.867.232.183	63.647.080.829
121	1. Chứng khoán kinh doanh		47.705.323.790	72.985.115.255
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.838.091.607)	(9.338.034.426)
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	7	224.707.399.185	188.668.736.992
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		13.346.331.010	3.740.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.616.407	36.598.100
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		250.051.126.112	212.640.809.345
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		14.048.949.718	9.140.401.884
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(52.741.624.062)	(36.889.072.337)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		93.183.370.723	31.585.275.001
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		353.565.155	83.435.001
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	229.328.568	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	92.600.477.000	31.501.840.000
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		24.039.752.659	24.791.546.114
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		1.168.199.952	3.525.400.366
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	625.560.465	2.115.208.705
222	Nguyên giá		14.706.931.145	14.706.931.145
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.081.370.680)	(12.591.722.440)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	542.639.487	1.410.191.661
228	Nguyên giá		10.226.172.220	10.018.872.220
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.683.532.733)	(8.608.680.559)
250	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	11	14.393.709.268	13.556.034.677
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.000.000.000	15.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(606.290.732)	(1.443.965.323)
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		8.477.843.439	7.710.111.071
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	646.448.968	1.193.882.385
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	7.651.176.469	6.336.010.684
268	3. Tài sản dài hạn khác		180.218.002	180.218.002
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		466.975.998.748	485.163.404.119

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		288.670.061.238	292.940.689.686
310	I. Nợ ngắn hạn		246.870.061.238	241.940.689.686
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		2.646.588.442	1.875.386.073
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		339.500.000	256.122.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	898.096.822	3.113.479.742
314	4. Phải trả người lao động		321.794.546	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		16.260.914.248	14.849.444.388
316	6. Phải trả các bên liên quan	15	155.240.258.702	100.000.000.000
317	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	70.605.708.711	115.537.261.812
318	8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		38.337.574	8.003.500
319	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	22.300.000
320	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	518.862.193	6.278.692.171
310	II. Nợ dài hạn		41.800.000.000	51.000.000.000
338	Vay và nợ dài hạn	18	41.800.000.000	51.000.000.000
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU		178.305.937.510	192.222.714.433
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	178.305.937.510	192.222.714.433
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
420a	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		15.000.000.000	15.000.000.000
420b	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		15.000.000.000	15.000.000.000
421	4. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối		(1.694.062.490)	12.222.714.433
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		466.975.998.748	485.163.404.119

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
006	1. Chứng khoán lưu ký	1.781.054.640.000	1.984.460.610.000
	<i>Trong đó</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	1.435.797.190.000	1.618.363.560.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	7.087.140.000	4.482.940.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.404.450.720.000	1.606.607.080.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch khách hàng nước ngoài	24.259.330.000	7.273.540.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	50.817.760.000	69.126.630.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	50.817.760.000	69.126.630.000
015	1.3. Chứng khoán cầm cố	255.085.610.000	247.804.040.000
016	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	255.085.610.000	216.258.710.000
017	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	31.545.330.000
019	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	38.511.760.000	43.585.390.000
	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	111.000.000	-
029	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	38.400.760.000	43.585.390.000
037	1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	842.320.000	5.580.990.000
038	1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	30.000
039	1.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	842.320.000	5.580.960.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	41.280.340.000	14.022.810.000
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	41.130.340.000	14.022.810.000
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	282.330.000	3.045.940.000
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	40.848.010.000	10.976.870.000
071	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	150.000.000	-
073	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	150.000.000	-
082	3. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	7.720.000
083	4. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	17.738.600.000	33.021.440.000

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
01	1. Doanh thu		61.606.649.038	79.996.553.578
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		18.377.616.358	25.660.340.610
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.669.341.182	16.219.216.113
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		18.582.604.544	17.103.592.273
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.034.676.676	769.571.843
01.9	Doanh thu khác	20	19.942.410.278	20.243.832.739
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		61.606.649.038	79.996.553.578
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	(30.219.470.187)	(48.429.940.592)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		31.387.178.851	31.566.612.986
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(34.147.710.320)	(21.058.154.939)
30	7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.760.531.469)	10.508.458.047
31	8. Thu nhập khác		1.066.718.852	1.436.110.682
32	9. Chi phí khác		(964.306)	-
40	10. Lợi nhuận khác		1.065.754.546	1.436.110.682
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		(1.694.776.923)	11.944.568.729
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14	-	(1.557.966.902)
60	13. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.694.776.923)	10.386.601.827
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(113)	692

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.694.776.923)	11.944.568.729
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9,10	2.564.500.414	2.732.594.131
03	Các khoản dự phòng		12.514.934.315	2.963.391.637
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(20.618.720.364)	(23.533.753.201)
06	Chi phí lãi vay và chi phí lãi tiền gửi trả cho nhà đầu tư		8.094.143.281	24.274.589.564
08	3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		860.080.723	18.381.390.860
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(105.072.286.124)	125.918.342.593
10	Giảm đầu tư ngắn hạn		17.132.898.103	10.159.128.077
11	Tăng/(giảm)các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.947.645.816	(160.538.709.880)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		277.303.263	(1.275.390.186)
13	Lãi tiền gửi đã trả cho nhà đầu tư		(6.897.034.625)	(13.030.145.120)
14	Thuế TNDN đã nộp	14	(1.172.973.528)	(504.405.909)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	2.400.106.309
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.357.575.177)	(1.557.966.902)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(91.281.941.549)	(20.047.650.158)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9,10	(207.300.000)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	71.818.182
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay, cổ tức		20.618.720.364	23.461.935.019
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.411.420.364	23.533.753.201
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		(9.200.000.000)	51.000.000.000
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.222.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.422.000.000)	51.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(92.292.521.185)	54.486.103.043
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		176.470.765.183	121.984.662.140
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	84.178.243.998	176.470.765.183

Chi tiết toàn bộ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần Chứng khoán SHB được đăng tải tại Website của Công ty: www.shbs.com.vn

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Năm 2015, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty và không phát hiện dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các kiến nghị của Bộ phận Kiểm soát nội bộ sau các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất liên quan tới Báo cáo tài chính, tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán đều được công ty xem xét và điều chỉnh kịp thời. Bộ phận Kiểm soát nội bộ đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Kiểm toán.

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THẾ MINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Năm 2014		Năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		1.836.112.606	12.222.714.433	10.386.601.827	-	(1.694.776.923)	(12.222.000.000)	12.222.714.433	(1.694.062.490)
Cộng	18	181.836.112.606	192.222.714.433	10.386.601.827	-	(1.694.776.923)	(12.222.000.000)	192.222.714.433	178.305.937.510

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp của Việt Nam với tên gọi ban đầu là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội. Công ty được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 12 tháng 9 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPĐC-UBCK chấp thuận cho công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 150.000.000.000 VND).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1,2 và 7 tòa nhà Artexport, số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 80 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 79 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010, và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

2.5 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi

phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư số 210/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm máy tính	1 – 3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

3.8 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.9.1 *Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, và có dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lời từ chênh lệch giá. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao

gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đối với chứng khoán nợ, lãi nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn đối với phần lãi phát sinh kể từ ngày mua.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.9.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Dự phòng giảm giá đầu tư

3.10.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

3.10.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại (tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

3.10.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại thời điểm trích lập dự phòng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty không thực hiện dự thu thêm và chỉ ghi nhận khoản lãi nhận thêm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 26% lương cấp bậc hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.13.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

3.13.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp và Quy chế tiền lương của Công ty, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 2% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp để đóng vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.13.4 Các lợi ích nhân viên khác

Theo quy chế tiền lương, công ty thực hiện trả lương thuần cho nhân viên. Do vậy công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm y tế bằng 4,5% lương cấp bậc hàng tháng và thuế thu nhập cá nhân cho nhân viên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm nếu không còn lỗ lũy kế để trích lập các quỹ như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm cổ tức bằng tiền và thu nhập từ kinh doanh chứng khoán.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán thương mại tự doanh.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi

từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3.18 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền ký quỹ để giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	32.010.004	51.165.100
Tiền gửi ngân hàng	84.138.593.071	176.419.600.083
Tiền gửi của Công ty	13.465.478.500	60.882.338.271
Tiền gửi của nhà đầu tư (Thuyết minh 16)	70.673.114.571	115.537.261.812
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	7.640.923	-
	84.178.243.998	176.470.765.183

Các khoản tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty và được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm như sau:

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Của Công ty	4.346.664	125.744.233.837
Cổ phiếu	4.346.664	125.744.233.837
2. Của nhà đầu tư	547.323.654	4.226.566.388.600
Cổ phiếu	547.318.654	4.226.518.595.600
Chứng khoán khác	5.000	47.793.000
	551.670.318	4.352.310.622.437

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tăng giá so với thị trường	Giảm so với giá thị trường	Tổng theo giá trị thị trường
Cổ phiếu niêm yết					
CSM	5	194.003	-	(70.503)	123.500
LCG	484.375	3.799.981.549	-	(409.356.549)	3.390.625.000
Cổ phiếu khác	2.782	50.600.009	12.152.295	(18.411.004)	44.341.300
	487.162	3.850.775.561	12.152.295	(427.838.056)	3.435.089.800
Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM					
HIG	215.887	3.851.430.361	-	(2.577.697.061)	1.273.733.300
Cổ phiếu khác	602	14.683.011	20.000	(12.401.611)	2.301.400
	216.489	3.866.113.372	20.000	(2.590.098.672)	1.276.034.700
Cổ phiếu chưa niêm yết					
HNK	40.000	2.670.000.000	-	(2.426.000.000)	244.000.000
MSB	33.060	1.007.860.000	-	(826.030.000)	181.830.000
SABECO	800	53.200.000	-	(400.000)	52.800.000
ICA	1.700.000	35.682.501.638	2.397.498.362	-	38.080.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	28.278	574.873.219	-	(567.724.879)	7.148.340
	1.802.138	39.988.434.857	2.397.498.362	(3.820.154.879)	38.565.778.340
				(6.838.091.607)	43.276.902.840
Tổng	2.505.789	47.705.323.790	2.409.670.657	(6.838.091.607)	43.276.902.840

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tăng giá so với thị trường	Giảm so với giá thị trường	Tổng theo giá trị thị trường
Cổ phiếu niêm yết					
FPT	180.207	9.311.855.202	-	(661.919.202)	8.649.936.000
HCM	160.001	5.446.351.510	-	(454.320.310)	4.992.031.200
SSI	100.000	3.087.333.500	-	(337.333.500)	2.750.000.000
Cổ phiếu khác	2.843	62.598.388	8.568.511	(18.437.699)	52.729.200
	443.051	17.908.138.600	8.568.511	(1.472.010.711)	16.444.696.400

Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM

HIG	304.187	5.426.705.000	-	(4.027.444.800)	1.399.260.200
Cổ phiếu khác	592	14.525.136	-	(12.366.836)	2.158.300
	304.779	5.441.230.136	-	(4.039.811.636)	1.401.418.500
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>					
HNK	40.000	2.670.000.000	-	(2.426.000.000)	244.000.000
MSB	33.060	1.007.860.000	-	(826.030.000)	181.830.000
SABECO	800	53.200.000	-	(400.000)	52.800.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	28.335	575.291.519	427.150	(573.782.079)	1.936.590
	102.195	4.306.351.519	427.150	(3.826.212.079)	480.566.590
Tổng	850.025	27.655.720.255	8.995.661	(9.338.034.426)	18.326.681.490

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
				Dự phòng đã trích lập
1. Phải thu của khách hàng	13.346.331.010	-	3.740.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	2.616.407	-	36.598.100	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	250.051.126.112	150.557.421.134	212.640.809.345	(36.889.072.337)
Phải thu phí môi giới chứng khoán	58.505.562	-	101.794.815	-
Phải thu khách hàng về nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	10.783.082.362	-	28.507.038.722	-
Phải thu khách hàng về giao dịch kỳ quỹ	88.412.804.588	-	3.478.094.606	-
Phải thu nhóm khách hàng KTB, KSS (*)	136.157.434.961	136.157.434.961	166.010.875.029	(26.708.968.016)
Phải thu khách hàng về giao dịch khác	14.639.298.639	14.399.986.173	14.543.006.173	(10.180.104.321)
4. Các khoản phải thu khác	14.048.949.718	-	9.140.401.884	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-
Phải thu nội bộ	-	-	-	-
Đặt cọc hợp đồng kinh doanh với đối tác	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	14.048.949.718	-	9.140.401.884	-
	277.449.023.247	150.557.421.134	225.557.809.329	(36.889.072.337)

(*) Đây là khoản nợ tồn đọng trước đây được nhận từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Habubank. Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu này theo lộ trình do ngân hàng mẹ đề xuất trong Đề án Đề án sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016-2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản dự phòng trích lập cho khoản phải thu này là 40.501.637.889 VND.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm các khoản tạm ứng cho nhân viên cho hoạt động đầu tư chứng khoán và nghiệp vụ khác.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.099.189.871	517.266.274	90.475.000	14.706.931.145
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	14.099.189.871	517.266.274	90.475.000	14.706.931.145
Giá trị hao mòn:				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	12.007.653.689	517.266.274	66.802.477	12.591.722.440
Khấu hao trong năm	1.470.597.458	-	19.050.782	1.489.648.240
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	13.478.251.147	517.266.274	85.853.259	14.081.370.680
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.091.536.182	-	23.672.523	2.115.208.705
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	620.938.724	-	4.621.741	625.560.465

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9.579.576.220	439.296.000	10.018.872.220
Mua trong năm	207.300.000	-	207.300.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	9.786.876.220	439.296.000	10.226.172.220
Giá trị hao mòn:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8.169.384.559	439.296.000	8.608.680.559
Hao mòn trong năm	1.074.852.174	-	1.074.852.174
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	9.244.236.733	439.296.000	9.683.532.733
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.410.191.661	-	1.410.191.661
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	542.639.487	-	542.639.487

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tổng vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Công ty</i>	<i>Số vốn thực góp</i>
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>
Công ty CP Đầu tư & Du lịch Cam Lập	85.500.000.000	15	15.000.000.000
Dự phòng cho các khoản đầu tư			(606.290.732)
			14.393.709.268

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí văn phòng	536.413.935	991.233.864
Chi phí bảo trì phần mềm Core	-	60.955.125
Chi phí khác	110.035.033	141.693.396
	646.448.968	1.193.882.385

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền nộp đầu kỳ	6.336.010.684	5.389.048.103
Nộp thêm trong kỳ	890.785.477	-
Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	424.380.308	946.962.581
	7.651.176.469	6.336.010.684

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	230.645.329	1.422.527.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	943.644.960
Thuế thu nhập cá nhân	667.451.493	747.307.258
	898.096.822	3.113.479.742
Phải thu thuế TNDN	(229.328.561)	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất TNDN áp dụng với Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22% lợi nhuận chịu thuế (2014: 20%).

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế/(lỗ) tính thuế

	Đơn vị: VND	
	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	(1.694.776.923)	11.944.568.729
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Cổ tức bằng tiền và cổ tức bằng cổ phiếu đã bán	(676.310.086)	(3.823.612.645)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(331.121.573)
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	(2.371.087.009)	7.789.834.511
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm (2015: 22% và 2014: 20%)	-	1.557.966.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp đầu kỳ	943.644.960	(109.916.033)
Thuế thu nhập đã nộp trong kỳ	(1.172.973.528)	(504.405.909)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp/(tạm ứng) cuối kỳ	(229.328.568)	943.644.960

15. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Đơn vị: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Lợi nhuận để lại phải trả ngân hàng mẹ (*)	76.566.267.252	76.566.267.252
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải trả cho ngân hàng mẹ (**)	23.433.732.748	23.433.732.748
Phải trả đặt cọc môi giới chứng khoán	45.000.000.000	-
Phải trả cổ tức	10.240.258.702	-
	155.240.258.702	100.000.000.000

(*) Lợi nhuận để lại phải trả ngân hàng mẹ bao gồm lợi nhuận để lại của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2006, 2007, 2008, 2009 và 2010.

(**) Khoản này bao gồm các khoản thuế TNDN của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2008, 2009 và 2010 do trước khi chuyển đổi sang hình thức sở hữu công ty cổ phần, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, đơn vị đã sáp nhập vào ngân hàng mẹ năm 2012, nộp hộ.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Tài khoản báo gồm tiền gửi giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư với số dư là 70.605.708.711 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 115.537.261.812 đồng).

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Kinh phí công đoàn	1.637.201	167.756.968
Phải trả đặt cọc đấu giá chứng khoán	-	5.769.410.000
Phải trả, phải nộp khác	517.224.992	341.525.203
	518.862.193	6.278.692.171

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn bao gồm các trái phiếu thường, phát hành riêng lẻ có tổng mệnh giá 41.800.000.000 VND, kỳ hạn 2 năm, lãi suất 10%/năm.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Vốn CP thường	Tỷ lệ
Vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	147.710.070.000	98,47%
Vốn của các cổ đông cá nhân khác	2.289.930.000	1,53%
	150.000.000.000	100%

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTCdo Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 5% 10% vốn điều lệ

20. DOANH THU

Đơn vị: VND

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu môi giới chứng khoán	18.377.616.358	25.660.340.610
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.669.341.182	16.219.216.113
Doanh thu hoạt động tư vấn	18.582.604.544	17.103.592.273
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.034.676.676	769.571.843
Doanh thu khác	19.942.410.278	20.243.832.739
- Doanh thu lãi tiền gửi	3.748.662.162	5.297.336.531
- Doanh thu từ giao dịch liên quan đến chứng khoán chưa niêm yết	-	253.500.000
- Doanh thu từ hợp đồng hỗ trợ giao dịch	6.412.251.969	3.435.714.969
- Doanh thu từ các hợp đồng đặt cọc tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh	9.781.496.147	11.158.249.238
- Doanh thu khác	-	99.032.001
	61.606.649.038	79.996.553.578

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí môi giới chứng khoán	3.110.279.546	3.865.356.555
Chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.332.676.954	7.186.442.155
Chi phí hoạt động tư vấn	818.830.909	1.163.636.363
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	1.029.666.670	1.001.420.034
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	(3.337.617.410)	(51.709.957)
Chi phí khác	27.265.633.518	35.264.795.442
- Chi phí nhân viên trực tiếp	11.734.184.454	6.089.543.522
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.452.361.928	2.557.944.922
- Chi phí vốn kinh doanh (bao gồm lãi tiền gửi trả cho nhà đầu tư)	11.180.531.975	24.274.589.564

- Chi phí khác	1.898.555.161	2.342.717.434
	30.219.470.187	48.429.940.592

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	10.911.581.894	10.606.450.831
Chi phí vật liệu quản lý	49.716.682	45.670.337
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	147.754.069	224.597.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.138.486	174.649.209
Thuế, phí và lệ phí	257.402.290	529.017.390
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	15.852.551.725	3.015.101.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.034.199.155	5.302.839.120
Chi phí khác bằng tiền	782.366.019	1.159.829.097
	34.147.710.320	21.058.154.939

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên mỗi cổ phiếu:

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	(1.694.776.923)	10.386.601.827
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi/(lỗ) trên mỗi cổ phiếu	(113)	692

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Nhận lãi tiền gửi	166.698.452
	Chi phí lãi	10.391.549.380

Số dư của các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị: VND

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu</i>	<i>Khoản phải trả</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Số dư tiền gửi tại tài khoản vãng lai	13.997.153.390	-
	Phải trả cổ tức 2014	-	10.227.334.465
	Phải trả lợi nhuận để lại	-	76.566.267.252
	Phải trả thuế TNDN	-	23.433.732.748
	Lãi phải trả cho phần lợi nhuận để lại và phải trả thuế TNDN	-	13.401.701.678
	Phải trả về chi phí hoạt động	-	248.896.980
	Đặt cọc môi giới chứng khoán		45.000.000.000
	Lãi phải trả cho các hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	-	1.914.916.666

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2014</i>
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	2.667.217.276	2.744.438.832
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.998.888.892	1.934.940.040
	4.666.106.168	4.679.378.872

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau.

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro về thay đổi ngoại tệ do Công ty không có hoạt động liên quan đến ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 3.435.089.800 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.358.480.500 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng (343.508.980) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Công ty sẽ tăng lên khoảng 343.508.980 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác và các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng.

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**(tiếp theo)**Phải thu khách hàng**(tiếp theo)

Tình trạng quá hạn của các khoản phải thu của Công ty như sau:

	Đơn vị: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Không quá hạn và không bị suy giảm	126.891.602.113	172.859.134.562
Quá hạn nhưng không bị suy giảm	-	-
Quá hạn và bị suy giảm	150.557.421.134	52.698.674.767
- Từ 91 đến 180 ngày	-	-
- Từ 181 đến 210 ngày	-	-
- Trên 210 ngày	150.557.421.134	52.698.674.767
	277.449.023.247	225.557.809.329

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản tiền gửi ngân hàng trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị: VND			
	Đến 3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Không xác định kỳ hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				Tổng cộng
Phải trả người bán	2.646.588.442	-	-	2.646.588.442
Người mua trả tiền trước	339.500.000	-	-	339.500.000
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	898.096.822	-	-	898.096.822
Phải trả người lao động	321.794.546	-	-	321.794.546
Phải trả bên liên quan	-	-	-	100.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	70.605.708.711
Phải trả, phải nộp khác	72.020.035.143	-	-	38.337.574
Vay nợ dài hạn	-	-	41.800.000.000	41.800.000.000
	76.226.014.953	-	41.800.000.000	170.644.046.285

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung cho các khoản nợ và kết luận rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi tiết toàn bộ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần Chứng khoán SHB được đăng tải tại Website của Công ty: www.shbs.com.vn

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Năm 2015, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty và không phát hiện dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các kiến nghị của Bộ phận Kiểm soát nội bộ sau các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất liên quan tới Báo cáo tài chính, tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán đều được công ty xem xét và điều chỉnh kịp thời. Bộ phận Kiểm soát nội bộ đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Kiểm toán.

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THẾ MINH